

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ KỸ NĂNG XỬ PHẠT VPHC

I. PHÁT HIỆN, CHỨNG MINH VPHC, BUỘC CHẤM DỨT HÀNH VI VI PHẠM, ÁP DỤNG BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN VÀ BẢO ĐẢM XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Khái niệm

- Vi phạm hành chính (VPHC) là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính (*khoản 1 Điều 2 Luật Xử lý vi phạm hành chính, sửa đổi, bổ sung năm 2020*).

- Phát hiện vi phạm hành chính là việc các cơ quan, người có thẩm quyền hoặc hệ thống giám sát tự mình quan sát, tiếp nhận, ghi nhận thông tin về các hành vi vi phạm hành chính. Việc quan sát, tiếp nhận, ghi nhận thông tin về các hành vi vi phạm hành chính có thể bằng nhiều hình thức khác nhau.

2. Cấu thành vi phạm hành chính

2.1. Về mặt khách quan

- **Hành vi vi phạm là gì?** Có hành vi trái pháp luật hành chính - trật tự quản lý nhà nước trong các lĩnh vực không (hành động hay không hành động)?

- **Hậu quả:** Hành vi đó có gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại cho các quan hệ xã hội không?

- **Mối quan hệ nhân quả:** Thiệt hại xảy ra có phải do trực tiếp hành vi đó gây ra không?

- **Điều kiện khác:** Hành vi được thực hiện vào thời gian, địa điểm, phương pháp, phương tiện nào?

2.2. Về khách thể

Những quan hệ xã hội nào (được nhà nước và pháp luật bảo vệ) đang bị hành vi vi phạm hành chính xâm hại? (Ví dụ: Trật tự công cộng, quản lý đất đai, xây dựng, an toàn giao thông, v.v.).

2.3. Về chủ thể

- **Chủ thể thực hiện hành vi vi phạm hành chính là ai?:** Là cá nhân (công dân, người nước ngoài) hay **tổ chức** (pháp nhân, doanh nghiệp) ...?

- **Chủ thể có năng lực trách nhiệm hành chính hay không?:** Đối với cá nhân, người đó đã đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hành chính chưa? Có đang mắc bệnh tâm thần làm mất khả năng nhận thức/điều khiển hành vi không?

+ Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính về vi phạm hành chính do cố ý; người từ đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính.

+ Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân vi phạm hành chính thì bị xử lý như đối với công dân khác; trường hợp cần áp dụng hình thức phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn liên quan đến quốc phòng, an ninh thì người xử phạt đề nghị cơ quan, đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân có thẩm quyền xử lý;

+ Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra;

+ Cá nhân, tổ chức nước ngoài vi phạm hành chính trong phạm vi lãnh thổ, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trên tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

2.4. Về mặt chủ quan

- **Lỗi của chủ thể là gì?** Chủ thể thực hiện hành vi do cố ý (biết hành vi trái pháp luật, thấy trước hậu quả và mong muốn/để mặc hậu quả) hay vô ý (không thấy trước hậu quả hoặc thấy trước nhưng nghĩ hậu quả sẽ không xảy ra)?

- **Động cơ, mục đích thực hiện hành vi vi phạm là gì?:** Chủ thể thực hiện hành vi nhằm đạt được mục đích gì? (Mặc dù yếu tố này không bắt buộc trong mọi vi phạm hành chính, nhưng có ý nghĩa để xác định mức độ vi phạm).

3. Xác định thời hiệu xử phạt (*Điều 6 Luật XLVPHC, sửa đổi, bổ sung năm 2020, các Nghị định xử phạt*)

3.1. Điều 6 Luật XLVPHC quy định:

- Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là **01 năm**, trừ các trường hợp sau đây:

+ Vi phạm hành chính về kế toán; hóa đơn; phí, lệ phí; kinh doanh bảo hiểm; quản lý giá; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; xây dựng; thủy sản; lâm nghiệp; điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước; hoạt động dầu khí và hoạt động khoáng sản khác; bảo vệ môi trường; năng lượng nguyên tử; quản lý, phát triển nhà và công sở; đất đai; đô thị; báo chí; xuất bản; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa; sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả; quản lý lao động ngoài nước; khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là **02 năm**.

+ Vi phạm hành chính về thuế, kiểm toán độc lập thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về kiểm toán độc lập.

- Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được quy định như sau:

+ Đối với vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm.

+ Đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm;

- Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến thì thời hiệu xử phạt áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật XLVPHC được kéo dài thêm **01 năm (tương ứng là 02 năm và 03 năm)**. Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính;

- Trong thời hạn được quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 6 Luật XLVPHC mà cá nhân, tổ chức cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu

xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

3.2. Điều 8 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thêm về nguyên tắc xác định hành vi vi phạm hành chính, áp dụng các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả:

- Việc xác định hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo nguyên tắc sau đây:

+ Hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc là hành vi được thực hiện một lần hoặc nhiều lần và có căn cứ xác định hành vi đã thực hiện xong trước thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền phát hiện vi phạm hành chính;

+ Hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện là hành vi đang diễn ra tại thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền phát hiện vi phạm hành chính và hành vi đó vẫn đang xâm hại trật tự quản lý nhà nước.

- Cá nhân, tổ chức tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm hành chính mà trước đó đã bị xử phạt hoặc chưa bị xử phạt đối với hành vi vi phạm được quy định ở các điểm trong cùng một khoản hoặc các khoản trong cùng một điều với mức độ vi phạm hoặc hậu quả gắn với mức phạt khác nhau, thì được coi là vi phạm cùng một hành vi để xác định tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần.

- Nếu vi phạm hành chính nhiều lần được quy định là tình tiết tăng nặng và thuộc trường hợp quy định tại khoản 1a Điều này thì áp dụng khung tiền phạt cao nhất, khung thời hạn đình chỉ, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề dài nhất quy định đối với hành vi đó trong các lần vi phạm.

4. Xác định các tình tiết giảm nhẹ (Điều 9 Luật XLVPHC)

Xác định rõ, ghi nhận các tình tiết giảm nhẹ (*nếu có*) trong quá trình xử lý vụ việc VPHC theo đúng quy định tại Điều 9 Luật XLVPHC.

Những tình tiết sau đây là tình tiết giảm nhẹ:

- Người VPHC đã có hành vi ngăn chặn, làm giảm bớt hậu quả của vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại;

- Người VPHC đã **tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi**; tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện VPHC, xử lý VPHC;

- VPHC trong tình trạng bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra; vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng; vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết;

- VPHC do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần;

- Người VPHC là phụ nữ mang thai, người già yếu, người có bệnh hoặc khuyết tật làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;

- VPHC vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình gây ra;

- VPHC do trình độ lạc hậu;

- Những tình tiết giảm nhẹ khác do Chính phủ quy định.

5. Xác định các tình tiết tăng nặng (*Điều 10 Luật XLVPHC*)

Xác định rõ, ghi nhận các tình tiết giảm nhẹ (*nếu có*) trong quá trình xử lý vụ việc VPHC theo đúng quy định tại Điều 10 Luật XLVPHC.

Những tình tiết sau đây là tình tiết tăng nặng:

- VPHC có tổ chức;
- VPHC nhiều lần; **tái phạm**;
- Xúi giục, lôi kéo, sử dụng người chưa thành niên vi phạm; ép buộc người bị lệ thuộc vào mình về vật chất, tinh thần thực hiện hành vi VPHC;
- Sử dụng người biết rõ là đang bị tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi để VPHC;
- Lãng mạ, phỉ báng người đang thi hành công vụ; VPHC có tính chất côn đồ;
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để VPHC;
- Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để VPHC;
- Vi phạm trong thời gian đang chấp hành hình phạt của bản án hình sự hoặc đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý VPHC;
- Tiếp tục thực hiện hành vi VPHC mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi đó;
- Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu VPHC;
- VPHC có quy mô lớn, số lượng hoặc trị giá hàng hóa lớn;
- VPHC đối với nhiều người, trẻ em, người già, người khuyết tật, phụ nữ mang thai.

Lưu ý: Các tình tiết nêu đã được quy định là hành vi VPHC thì không được coi là tình tiết tăng nặng.

6. Xác định những trường hợp không xử phạt VPHC (*Điều 11 Luật XLVPHC*)

Không xử phạt VPHC đối với các trường hợp sau đây:

- Thực hiện hành vi VPHC trong tình thế cấp thiết;
- Thực hiện hành vi VPHC do phòng vệ chính đáng;
- Thực hiện hành vi VPHC do sự kiện bất ngờ;
- Thực hiện hành vi VPHC do sự kiện bất khả kháng;
- Người thực hiện hành vi VPHC không có năng lực trách nhiệm hành chính; người thực hiện hành vi VPHC chưa đủ tuổi bị xử phạt VPHC theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 của Luật XLVPHC.

7. Buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính; áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC (*Điều 119 – Điều 130 Luật XLVPHC, sửa đổi, bổ sung năm 2020, các Nghị định xử phạt*)

Khi phát hiện VPHC, người có thẩm quyền đang thực thi công vụ cần thực hiện ngay biện pháp buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm

hành chính đang diễn ra bằng lời nói, còi, hiệu lệnh, văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật nhằm chấm dứt ngay hành vi vi phạm. Đây cũng là căn cứ để xác định có hành vi “**cản trở, chống lại việc thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ hoặc đưa hối lộ người thi hành công vụ**” theo quy định tại Điều 21 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình hay không để xử lý nghiêm theo quy định pháp luật; nhất là đối với hành vi như: *Cản trở hoặc không chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hoặc nhiệm vụ khác của người thi hành công vụ theo quy định của pháp luật; có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người thi hành công vụ; dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực chống người thi hành công vụ; gây thiệt hại về tài sản, phương tiện của cơ quan nhà nước, của người thi hành công vụ ...*

Căn cứ quy định từ Điều 119 – Điều 130 Luật XLVPHC, sửa đổi, bổ sung năm 2020, các Nghị định xử phạt trong từng ngành, lĩnh vực, các hành vi vi phạm cụ thể để áp dụng các biện pháp ngăn chặn và đảm bảo xử phạt VPHC theo đúng thẩm quyền, thủ tục quy định.

II. LẬP BIÊN BẢN VPHC

1. Xác định thẩm quyền lập bản VPHC

Căn cứ quy định tại Điều 58 Luật XLVPHC, sửa đổi, bổ sung năm 2020, Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025, Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ và các Nghị định xử phạt trong từng ngành, lĩnh vực để xác định cụ thể thẩm quyền lập biên bản VPHC đối với từng chức danh theo ngành, lĩnh vực.

Đối với hành vi có dấu hiệu VPHC không thuộc thẩm quyền lập biên bản VPHC hoặc không thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý của mình, thì người có thẩm quyền đang thi hành công vụ, nhiệm vụ phải lập biên bản làm việc (*mẫu ban hành kèm theo Nghị định 118/2021/NĐ-CP*) để ghi nhận sự việc và chuyển ngay biên bản đến người có thẩm quyền xử phạt theo quy định pháp luật.

*** Ví dụ:**

Trong lĩnh vực đất đai Nghị định 123/2024/NĐ-CP (Điều 32), được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 281/2026/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 31/08/2026) quy định các chức danh có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính ở cấp xã gồm:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Công chức, viên chức đang thi hành công vụ trong lĩnh vực đất đai.
- Người thuộc lực lượng Công an nhân dân đang thi hành công vụ được lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực đất đai; người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân đang thi hành công vụ được lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng đất quốc phòng;

Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường Nghị định số 45/2022/NĐ-CP (Điều 71) quy định các chức danh có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính ở cấp xã gồm:

- Chủ tịch UBND cấp xã đang thi hành công vụ;

- Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn đang thi hành nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý.

Trong lĩnh vực xây dựng Nghị định 16/2022/NĐ-CP (Điều 72) quy định các chức danh có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính ở cấp xã gồm:

- Chủ tịch UBND cấp xã;
- Công chức thuộc UBND cấp xã được giao nhiệm vụ kiểm tra, phát hiện vi phạm hành chính về xây dựng.

Trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm, Nghị định số 115/2018/NĐ-CP (Điều 27), được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2021/NĐ-CP quy định các chức danh có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính ở cấp xã gồm:

- Chủ tịch UBND cấp xã;
- Công chức, viên chức thuộc các ngành: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương và công chức, viên chức, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, trong các cơ quan ở cấp xã đang thi hành công vụ, nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao về lĩnh vực an toàn thực phẩm.

2. Căn cứ lập biên bản vi phạm hành chính:

- Đối với hành vi vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính hoặc không thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý hoặc trường hợp vụ việc phải giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm tang vật, phương tiện hoặc trường hợp cần thiết khác thì người có thẩm quyền đang thi hành công vụ, nhiệm vụ có trách nhiệm **lập biên bản làm việc để ghi nhận sự việc**;

- Biên bản làm việc hoặc các biên bản, tài liệu ghi nhận vi phạm được phát hiện trong quá trình thanh tra, kiểm tra, thực hiện hoạt động quản lý nhà nước hoặc tiến hành tố tụng là một trong những căn cứ để lập biên bản vi phạm hành chính;

- Trường hợp người đang xem xét, xử lý vụ việc không có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, thì biên bản, tài liệu và hồ sơ kèm theo (nếu có) phải được chuyển kịp thời cho người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

- Trường hợp **chuyển hồ sơ vụ vi phạm** để xử phạt vi phạm hành chính **mà không có một trong các quyết định quy định tại khoản 1 Điều 63** Luật Xử lý vi phạm hành chính thì thực hiện như sau:

+ Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có trách nhiệm lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính trước khi chuyển hồ sơ;

+ Nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này thì văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải có những nội dung chủ yếu sau đây: thông tin về cá nhân, tổ chức vi phạm và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; mô tả cụ thể, đầy đủ vụ việc, hành vi vi phạm; điểm, khoản, điều của nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

- Trường hợp chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì văn bản đề nghị

xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự gồm những nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

3. Nội dung Biên bản VPHC

- Nội dung Biên bản VPHC được lập theo quy định tại Điều 58 Luật XLVPHC, sửa đổi, bổ sung năm 2020, Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP và mẫu Biên bản VPHC ban hành kèm theo.

- Biên bản VPHC có nội dung chủ yếu sau đây:

- + Thời gian, địa điểm lập biên bản;
- + Thông tin về người lập biên bản, cá nhân, tổ chức vi phạm và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; Trường hợp không xác định được chủ thể thực hiện hành vi vi phạm, thì ghi không xác định được cá nhân, tổ chức vi phạm;
- + Thời gian, địa điểm xảy ra vi phạm; mô tả vụ việc, hành vi vi phạm;
- + Lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại;
- + Biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC;
- + Quyền và thời hạn giải trình.

- Biên bản VPHC phải được lập tại nơi xảy ra hành vi VPHC. Trường hợp biên bản VPHC được lập tại trụ sở cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản hoặc địa điểm khác thì phải **ghi rõ lý do** vào biên bản.

- Biên bản VPHC phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký, trừ trường hợp biên bản được lập, gửi bằng phương thức điện tử đối với trường hợp cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt, cá nhân, tổ chức vi phạm đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin; trường hợp người vi phạm không ký được thì điểm chỉ; nếu có người chứng kiến, người phiên dịch, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại, thì họ cùng phải ký vào biên bản; trường hợp biên bản gồm nhiều trang, thì **phải ký vào từng trang** biên bản.

- Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không ký vào biên bản thì biên bản **phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm** hoặc của **ít nhất 01 người chứng kiến xác nhận việc cá nhân, tổ chức vi phạm không ký vào biên bản**; trường hợp không có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã hoặc của người chứng kiến thì **phải ghi rõ lý do** vào biên bản.

4. Thời hạn lập biên bản VPHC

- Biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính;

- Trường hợp vụ việc có **nhiều tình tiết phức tạp** hoặc có **phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức**, thì biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn **05 ngày làm việc**, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính;

- Trường hợp vi phạm hành chính được **phát hiện bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ** hoặc **phải xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm**, thì biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn **05 ngày làm việc**, kể từ ngày xác định được đối tượng vi

phạm bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc nhận được kết quả xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm;

- Trường hợp một vụ việc có nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau, trong đó có hành vi được phát hiện bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc phải xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm, thì biên bản vi phạm hành chính được lập đối với các hành vi trong vụ việc đó trong thời hạn **05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng vi phạm bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ** hoặc nhận được đầy đủ kết quả xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm.

5. Lập Biên bản VPHC trong một số trường hợp cụ thể

- Vụ việc vi phạm hành chính có nhiều hành vi vi phạm trong cùng một lĩnh vực quản lý nhà nước thì người có thẩm quyền đang thụ lý giải quyết vụ việc lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền và lập biên bản làm việc đối với các hành vi vi phạm không thuộc thẩm quyền.

- Vụ việc vi phạm hành chính có nhiều hành vi vi phạm thuộc các ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước khác nhau, thì người có thẩm quyền đang thụ lý giải quyết vụ việc lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền và lập biên bản làm việc đối với các hành vi vi phạm không thuộc thẩm quyền;

- Trường hợp một cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau trong cùng một vụ vi phạm, thì người có thẩm quyền lập một biên bản vi phạm hành chính, trong đó ghi rõ từng hành vi vi phạm];

- Trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính trong cùng một vụ vi phạm, thì người có thẩm quyền có thể lập một hoặc nhiều biên bản vi phạm hành chính đối với từng cá nhân, tổ chức vi phạm. Trường hợp giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính khác nhau, thì người có thẩm quyền phải ghi rõ giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính liên quan đến từng cá nhân, tổ chức vi phạm;

- Trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau trong cùng một vụ vi phạm, thì người có thẩm quyền có thể lập một hoặc nhiều biên bản vi phạm hành chính, trong đó ghi rõ từng hành vi vi phạm của từng cá nhân, tổ chức;

- Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhiều lần, thì người có thẩm quyền lập một biên bản vi phạm hành chính, trong đó ghi rõ hành vi vi phạm và từng lần vi phạm.

6. Giao biên bản VPHC, chuyển biên bản VPHC và hồ sơ vụ việc VPHC

Biên bản VPHC lập xong phải được giao cho cá nhân, tổ chức VPHC 01 bản, trừ Trường hợp không xác định được cá nhân, tổ chức VPHC. Trường hợp VPHC không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản, thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn **24 giờ, kể từ khi lập biên bản.**

Trường hợp người chưa thành niên VPHC, thì biên bản còn được gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó.

Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi lập biên bản VPHC hoặc có mặt nhưng từ chối nhận hoặc có căn cứ cho rằng cá nhân, tổ chức vi phạm trốn tránh không nhận biên bản, thì việc giao biên bản VPHC được thực hiện theo quy định tại Điều 70 Luật XLVPHC về việc gửi quyết định xử phạt VPHC để thi hành. Theo đó, người có thẩm quyền lập biên bản về việc không nhận biên bản VPHC có xác nhận của chính quyền địa phương và được coi là biên bản VPHC đã được giao.

Đối với Trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nêu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày biên bản VPHC đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình không nhận; biên bản VPHC đã được niêm yết tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức bị xử phạt hoặc có căn cứ cho rằng người vi phạm trốn tránh không nhận biên bản VPHC thì được coi là biên bản đã được giao.

7. Xác minh tình tiết của vụ việc VPHC (Điều 59 Luật XLVPHC)

Xác minh tình tiết của vụ việc VPHC là thủ tục **thuộc trách nhiệm của người có thẩm quyền xử phạt** được thực hiện trước khi ra quyết định xử phạt nhằm bảo đảm tính chính xác, minh bạch, khách quan của quyết định xử phạt. Hoạt động này **có thể thực hiện trước hoặc sau khi lập biên bản VPHC và có thể được thực hiện cùng với các trình tự, thủ tục xử phạt tiếp theo** cho đến khi ra quyết định xử phạt, thậm chí có thể thực hiện cho đến khi ra quyết định đình chỉ, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hoặc ban hành mới quyết định xử phạt nhưng đây không phải là thủ tục bắt buộc đối với tất cả các vụ việc VPHC.

Điều 59 Luật XLVPHC quy định khi xem xét ra quyết định xử phạt VPHC, **trong trường hợp cần thiết người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xác minh:** *Có hay không có VPHC xảy ra trên thực tế; chủ thể thực hiện hành vi vi phạm, lỗi, nhân thân của cá nhân vi phạm; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; tính chất, mức độ thiệt hại do VPHC gây ra và các tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc xem xét, quyết định xử phạt.* Người có thẩm quyền xử phạt cũng có thể trưng cầu giám định và việc giám định phải được thực hiện theo quy định của pháp luật về giám định. **Quá trình xác minh phải được thể hiện bằng văn bản** để bảo đảm tính khách quan, tính chính xác của các tình tiết trong vụ việc vi phạm.

Người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật XLVPHC tự mình hoặc phân công, phối hợp thực hiện xác minh và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả xác minh.

8. Sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trong việc phát hiện VPHC

Do sự phát triển của xã hội nên các hành vi VPHC diễn ra ngày càng đa dạng, tinh vi, các đối tượng dùng nhiều thủ đoạn để đối phó, trốn tránh bị xử phạt. Thực tế là trong một số lĩnh vực quản lý nhà nước, để phát hiện ra hành vi vi phạm nếu chỉ dựa vào trực giác, sự quan sát thông thường của người thi hành công vụ thì sẽ rất khó khăn hoặc không khách quan trong việc xử phạt. Mặt khác, không phải bất cứ vi phạm nào cũng có thể phát hiện kịp thời do không có đủ lực lượng, dễ dẫn đến bỏ lọt vi phạm. Vì vậy, để khắc phục những bất cập, hạn chế này, Luật XLVPHC đã quy định vấn đề **sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện, truy tìm đối tượng VPHC trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phòng,**

chống ma túy, phòng, chống tác hại của rượu, bia và lĩnh vực khác do Chính phủ quy định sau khi được sự đồng ý của Ủy ban thường vụ Quốc hội để kịp thời phát hiện, xử lý các VPHC trong các lĩnh vực này.

Ngoài ra, để phát huy tác dụng, hiệu quả của việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ vào hoạt động xử phạt VPHC, đồng thời bảo đảm việc thực hiện được chặt chẽ, tránh tùy tiện, Luật cũng quy định nguyên tắc quản lý, sử dụng và quy định danh mục phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ như: *(1) Tôn trọng quyền tự do, danh dự, nhân phẩm, bí mật đời tư của công dân, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của cá nhân và tổ chức; (2) Tuân thủ đúng quy trình, quy tắc về sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; (3) Kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải được ghi nhận bằng văn bản và chỉ được sử dụng trong xử phạt VPHC; (4) Phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đã được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định của pháp luật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phải được duy trì trong suốt quá trình sử dụng và giữa hai kỳ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.*

Đồng thời, để việc sử dụng, bảo quản kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ bảo đảm quyền con người, quyền công dân, khoản 3 Điều 64 Luật XLVPHC quy định các nguyên tắc trong sử dụng, bảo quản kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ như: *(1) Kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ là bản ảnh, hình ảnh, phiếu in, chỉ số đo, dữ liệu lưu trong bộ nhớ của phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; (2) Kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ chỉ được sử dụng để xử phạt VPHC khi bảo đảm các yêu cầu, điều kiện theo quy định; (3) Khi có kết quả thu được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, người có thẩm quyền xử phạt VPHC phải nhanh chóng xác định tổ chức, cá nhân VPHC và thông báo bằng văn bản đến tổ chức, cá nhân vi phạm. Trường hợp xác định được tổ chức, cá nhân vi phạm, người có thẩm quyền phải tiến hành lập biên bản VPHC và kết quả thu được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được lưu theo biên bản VPHC; (4) Kết quả thu được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải được bảo quản chặt chẽ, lưu vào hồ sơ xử phạt VPHC.*

Khoản 5 Điều 64 Luật XLVPHC giao Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng, đối tượng được trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, danh mục phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện VPHC và việc sử dụng, bảo quản kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp. Các nội dung này hiện nay được quy định cụ thể tại Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện VPHC.

9. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt VPHC

9.1. Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt vi phạm hành chính

Theo quy định tại Điều 119 Luật XLVPHC, có **09 biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính**, đó là:

- Tạm giữ người;

- Áp giải người vi phạm;
- **Tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC, giấy phép, chứng chỉ hành nghề;**
- Khám người;
- **Khám phương tiện vận tải, đồ vật;**
- **Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện VPHC;**
- Quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trục xuất.

9.2. Mục đích áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt VPHC

Điều 119 Luật XLVPHC quy định: *Biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC được người có thẩm quyền áp dụng trong trường hợp cần ngăn chặn kịp thời VPHC hoặc để bảo đảm việc xử lý VPHC. Như vậy, có thể thấy, việc áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC nhằm 02 mục đích sau đây:*

Một là, để ngăn chặn kịp thời VPHC.

Hai là, để bảo đảm việc xử lý VPHC.

9.3. Nguyên tắc áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt VPHC

Điều 120 Luật XLVPHC quy định việc áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC phải bảo đảm 04 nguyên tắc sau đây:

Thứ nhất, người có thẩm quyền phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định của Luật về nguyên tắc áp dụng, hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC; thẩm quyền, thủ tục áp dụng các biện pháp cụ thể.

Thứ hai, chỉ áp dụng trong trường hợp cần thiết, được quy định cụ thể đối với từng biện pháp.

Ví dụ:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 122 Luật XLVPHC (*được sửa đổi, bổ sung theo Điều 102 Luật hải quan năm 2014*), việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác hoặc có căn cứ cho rằng có hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

Thứ ba, người ra quyết định phải chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình.

Thứ tư, việc sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ phải theo quy định của pháp luật.

9.4. Hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC (Điều 121 Luật XLVPHC)

- Trường hợp việc áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC không còn phù hợp với mục đích và điều kiện áp dụng theo quy định của Luật XLVPHC thì quyết định áp dụng biện pháp đó phải được hủy bỏ.

- Người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn khi thấy không còn cần thiết hoặc thay thế bằng một biện pháp ngăn chặn khác. Đây là quy định mới của Luật XLVPHC, nhấn mạnh các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC chỉ được áp dụng trong trường hợp cần thiết, với những Điều kiện cụ thể, khi những điều kiện

này không còn, các biện pháp này không còn cần thiết, người có thẩm quyền phải hủy bỏ hoặc thay thế bằng biện pháp khác.

10. Xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt (Điều 60 Luật XLVPHC)

- Trong trường hợp cần xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt, người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải xác định giá trị tang vật, phương tiện và phải chịu trách nhiệm về việc xác định đó.

- Tùy theo loại tang vật, phương tiện cụ thể, việc xác định giá trị dựa trên một trong các căn cứ theo thứ tự ưu tiên sau đây:

+ *Giá niêm yết hoặc giá ghi trên hợp đồng hoặc hóa đơn mua bán hoặc tờ khai nhập khẩu;*

+ *Giá theo thông báo của cơ quan tài chính địa phương; trường hợp không có thông báo giá thì theo giá thị trường của địa phương tại thời điểm xảy ra vi phạm hành chính;*

+ *Giá thành của tang vật, phương tiện nếu là hàng hóa chưa xuất bán;*

+ *Đối với tang vật, phương tiện là hàng giả thì giá của tang vật, phương tiện đó là giá thị trường của hàng hóa thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng, kỹ thuật, công dụng tại thời điểm nơi phát hiện vi phạm hành chính.*

- Trường hợp không thể áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật XLVPHC làm căn cứ xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt, thì **người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc có thể ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm và thành lập Hội đồng định giá**. Hội đồng định giá gồm có người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan là thành viên.

Thời hạn tạm giữ để xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định tạm giữ. Mọi chi phí liên quan đến việc tạm giữ, định giá và thiệt hại do việc tạm giữ gây ra do cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ chi trả.

11. Giải trình (Điều 61 Luật XLVPHC)

11.1. Về các trường hợp áp dụng thủ tục giải trình

Đối với những vi phạm có tính chất nghiêm trọng theo quy định bị áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc VPHC quy định áp dụng mức phạt tiền tối đa của khung phạt tiền đối với hành vi vi phạm từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân và từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức.

11.2. Về các hình thức thực hiện quyền giải trình

Khoản 1 Điều 61 Luật XLVPHC quy định việc giải trình **được thực hiện theo hai hình thức là giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản**. Giải trình bằng văn bản là việc cá nhân, tổ chức VPHC gửi văn bản giải trình cho người có thẩm quyền xử phạt VPHC. Giải trình trực tiếp là việc cá nhân, tổ chức VPHC gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp đến người có thẩm quyền xử phạt VPHC và

trực tiếp tham gia phiên giải trình do người có thẩm quyền xử phạt tổ chức đề đưa ra ý kiến, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

11.3. Về thủ tục giải trình

Về phía cá nhân, tổ chức vi phạm, giải trình là quyền của cá nhân, tổ chức vi phạm, vì vậy **chỉ khi những người này có yêu cầu thì người có thẩm quyền xử phạt mới có trách nhiệm giải quyết**. Do đó, tại khoản 2, khoản 3 Điều 61 Luật XLVPHC quy định cá nhân, tổ chức vi phạm phải có trách nhiệm **gửi văn bản giải trình hoặc yêu cầu giải trình trực tiếp** cho người có thẩm quyền xử phạt VPHC trong thời hạn không quá **05 ngày làm việc đối với trường hợp giải trình bằng văn bản và không quá 02 ngày làm việc đối với trường hợp giải trình trực tiếp**, kể từ ngày lập biên bản VPHC. Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp thì người có thẩm quyền có thể gia hạn thêm thời hạn để cá nhân, tổ chức vi phạm có thể thực hiện quyền giải trình của mình. Những người này có thể tự mình hoặc uỷ quyền cho người đại diện hợp pháp của mình tham gia giải trình.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức vi phạm thực hiện quyền giải trình, khoản 4 Điều 17 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định **trường hợp khi lập biên VPHC chưa xác định được người có thẩm quyền xử phạt, thì cá nhân, tổ chức vi phạm gửi văn bản giải trình đến người có thẩm quyền lập biên bản**. Người có thẩm quyền lập biên bản chuyển hồ sơ vụ việc cùng văn bản giải trình cho người có thẩm quyền ngay khi xác định được thẩm quyền xử phạt VPHC.

Về phía người có thẩm quyền xử phạt, để bảo đảm quyền giải trình của người vi phạm, Luật quy định cụ thể trách nhiệm, trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu giải trình. Theo đó, trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu giải trình, người có thẩm quyền xử phạt phải có trách nhiệm **tổ chức phiên giải trình, thông báo bằng văn bản cho người vi phạm về thời gian và địa điểm tổ chức phiên giải trình để họ trực tiếp tham gia**. Người có thẩm quyền xử phạt tổ chức phiên giải trình trực tiếp và có trách nhiệm nêu căn cứ pháp lý và tình tiết, chứng cứ liên quan đến hành vi VPHC, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả dự kiến áp dụng đối với hành vi vi phạm. Việc giải trình trực tiếp được lập thành biên bản và phải có chữ ký của các bên liên quan và là một trong những căn cứ quan trọng để người có thẩm quyền xử phạt xem xét, ra quyết định xử phạt. Chính vì vậy, khoản 3 Điều 17 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định việc giải trình và xem xét ý kiến giải trình được thể hiện bằng văn bản và lưu trong hồ sơ xử phạt.

11.4. Xử lý một số trường hợp cụ thể khi áp dụng quy định về giải trình

Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm không gửi văn bản giải trình cho người có thẩm quyền xử phạt VPHC hoặc không gửi văn bản đề nghị gia hạn thời hạn giải trình trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật XLVPHC hoặc ghi rõ ý kiến trong biên bản VPHC về việc không thực hiện quyền giải trình, thì người có thẩm quyền xử phạt ban hành quyết định xử phạt trong thời hạn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 66 Luật XLVPHC. Theo đó, thời hạn ra quyết định xử phạt là 07 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản VPHC; vụ việc thuộc Trường hợp phải chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 10 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản VPHC.

Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm có yêu cầu giải trình theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 61 Luật XLVPHC, thì người có thẩm quyền xử phạt ban

hành quyết định xử phạt trong thời hạn quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều 66 Luật XLVPHC. Theo đó, thời hạn ra quyết định xử phạt là 01 tháng hoặc 02 tháng, kể từ ngày lập biên bản VPHC (tùy từng trường hợp).

Trường hợp cá nhân, tổ chức VPHC không yêu cầu giải trình nhưng trước khi hết thời hạn được giải trình (quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 61 Luật XLVPHC) lại có yêu cầu giải trình, thì người có thẩm quyền xử phạt VPHC có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm theo thủ tục quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 61 Luật XLVPHC, thời hạn ra quyết định xử phạt là 01 tháng hoặc 02 tháng, kể từ ngày lập biên bản VPHC, trừ trường hợp phải áp dụng ngay biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh đối với tang vật VPHC là động vật, thực vật sống, hàng hóa, vật phẩm dễ hư hỏng, khó bảo quản hoặc tang vật, phương tiện VPHC có nguy cơ hoặc có khả năng gây ô nhiễm môi trường, lây lan dịch, bệnh.

12. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 62 Luật XLVPHC)

- Trong quá trình xem xét, xử lý vụ vi phạm, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải chuyển hồ sơ liên quan đến hành vi có dấu hiệu tội phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự. Việc chuyển tang vật, phương tiện vi phạm hành chính liên quan đến hành vi có dấu hiệu tội phạm thực hiện theo quy định của Chính phủ.

- Trong quá trình thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu hành vi vi phạm được phát hiện có dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đó và trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tạm đình chỉ phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự; trường hợp đã thi hành xong quyết định xử phạt thì người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự.

- Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có trách nhiệm xem xét, kết luận vụ việc và trả lời kết quả giải quyết bằng văn bản cho người có thẩm quyền đã chuyển hồ sơ trong thời hạn theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự; trường hợp không khởi tố vụ án hình sự thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định không khởi tố vụ án hình sự có hiệu lực, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải trả hồ sơ vụ việc cho người có thẩm quyền xử phạt đã chuyển hồ sơ đến.

Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật XLVPHC, nếu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định khởi tố vụ án thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính và chuyển toàn bộ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và tài liệu về việc thi hành quyết định xử phạt cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự.

- Việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự phải được thông báo bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức vi phạm.

13. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính (Điều 63 Luật XLVPHC)

- Đối với vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó ban hành một trong các quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án, **nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền của cơ quan đang thụ lý vụ án phải xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền. Trường hợp không có thẩm quyền xử phạt, thì phải chuyển quyết định kèm theo hồ sơ (bản sao y), tang vật, phương tiện vi phạm liên quan đến hành vi vi phạm hành chính trong vụ việc**, trừ trường hợp tang vật, phương tiện là vật chứng và văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

- Việc xử phạt vi phạm hành chính được căn cứ vào hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này chuyển đến. Trường hợp cần thiết phải xác minh thêm tình tiết để có căn cứ ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 của Luật này.

- Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 30 ngày, kể từ ngày nhận được các quyết định quy định tại khoản 1 Điều này kèm theo hồ sơ vụ vi phạm. Trong trường hợp cần xác minh thêm quy định tại khoản 2 Điều này thì thời hạn tối đa không quá 45 ngày.

III. XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH KHÔNG LẬP BIÊN BẢN

- Điều 56 Luật XLVPHC quy định xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản trong các trường hợp sau:

+ Xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 500.000 đồng đối với cá nhân, 1.000.000 đồng đối với tổ chức;

+ Hành vi vi phạm do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến theo quy định tại khoản 1 Điều 63 của Luật XLVPHC.

- Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 56 Luật XLVPHC thì người có thẩm quyền xử phạt **ra quyết định xử phạt tại chỗ**.

IV. RA QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VPHC

1. Xác định thẩm quyền ra quyết định xử phạt VPHC

1.1. Về thẩm quyền xử phạt

- Thẩm quyền xử phạt của các chức danh đối với từng hành vi vi phạm được quy định cụ thể trong các Nghị định xử phạt VPHC trong từng lĩnh vực, người có thẩm quyền xử phạt không áp dụng trực tiếp quy định của Luật XLVPHC; các quy định về thẩm quyền xử phạt trong các Nghị định xử phạt VPHC không được trái với quy định của Luật XLVPHC (*không vượt mức phạt tiền tối đa theo từng lĩnh vực*).

* Ví dụ:

Trong lĩnh vực đất đai Nghị định 123/2024/NĐ-CP (Điều 30), được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 281/2026/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 31/08/2026) quy định các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính ở cấp xã gồm:

1. Chủ tịch UBND cấp xã có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến **250.000.000 đồng**;
- Đình chỉ hoạt động dịch vụ tư vấn có thời hạn 03 tháng;
- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến **10% (50.000.000 đồng)** mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;
- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

3. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến **50% (250.000.000 đồng)** mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;
- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường Nghị định số 189/2025/NĐ-CP (Điều 5) quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính ở cấp xã gồm:

1. Chủ tịch UBND cấp xã:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến **50% (500.000.000 đồng)** mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;
- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

2. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến **10% (100.000.000 đồng)** mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;
- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

3. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến **50% (500.000.000 đồng)** mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;
- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Trong lĩnh vực xây dựng Nghị định số 189/2025/NĐ-CP (Điều 5) quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính ở cấp xã gồm:

1. Chủ tịch UBND cấp xã:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến **50% (250.000.000 đồng)** mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;
- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

2. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến **10% (50.000.000 đồng)** mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;
- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

3. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến **50% (250.000.000 đồng)** mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;
- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm Nghị định số 115/2018/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2021/NĐ-CP quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính ở cấp xã gồm:

1. Chủ tịch UBND cấp xã:

- Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức;

- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng đối với cá nhân và 20.000.000 đồng đối với tổ chức;

- Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 của Nghị định này.

2. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền: Phạt tiền đến 500.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức.

3. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

- Phạt tiền đến 2.500.000 đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức;

- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 5.000.000 đồng đối với cá nhân và 10.000.000 đồng đối với tổ chức;

- Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 của Nghị định này.

1.2. Về nguyên tắc chung xác định và phân định thẩm quyền xử phạt VPHC và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (Điều 52 Luật XLVPHC)

- **Thẩm quyền xử phạt** vi phạm hành chính của một chức danh là thẩm quyền **áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính**; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt đối với tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân.

- **Thẩm quyền phạt tiền** quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật XLVPHC **được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt** quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương.

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k và l khoản 1 Điều 37a của Luật XLVPHC có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực, ngành mình quản lý.

Trong trường hợp hành vi vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người, thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

- Trường hợp **vụ việc vi phạm hành chính có nhiều hành vi vi phạm** thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được xác định theo nguyên tắc sau đây:

+ Nếu **hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện** vi phạm hành chính bị tịch thu, **biện pháp khắc phục hậu quả** được quy định **đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của người xử phạt** vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó;

+ Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định **đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của người xử phạt** vi phạm hành chính thì người đó **phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt**;

+ Nếu hành vi thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của nhiều người

thuộc các ngành khác nhau, thì thẩm quyền xử phạt thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử phạt nơi xảy ra vi phạm.

2. Ra quyết định xử phạt

2.1. Nguyên tắc xử lý VPHC (*Điều 3 Luật XLVPHC, sửa đổi, bổ sung năm 2020*)

- Mọi VPHC phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do VPHC gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật;

- Việc xử phạt VPHC được tiến hành **nhANH chóng, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật**;

- Việc xử phạt VPHC **phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, đối tượng vi phạm và tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng**;

- Chỉ xử phạt VPHC khi có hành vi VPHC do pháp luật quy định.

- Một hành vi VPHC chỉ bị xử phạt một lần. **Nhiều người cùng thực hiện một hành vi VPHC thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt** về hành vi VPHC đó. Một người thực hiện nhiều hành vi VPHC hoặc VPHC nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trừ trường hợp hành vi VPHC nhiều lần được Chính phủ quy định là tình tiết tăng nặng;

- **Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm chứng minh VPHC. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không VPHC**;

- Đối với cùng một hành vi VPHC thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

2.2. Về mức phạt tiền tối đa

Điều 24 Luật XLVPHC quy định cụ thể về mức phạt tiền tối đa đối với cá nhân trong các lĩnh vực, Luật Sửa đổi 2020 đã sửa đổi theo hướng:

+ Tăng mức phạt tiền tối đa của 10 lĩnh vực như: ***Giao thông đường bộ (từ 40 lên 75 triệu); Phòng, chống tệ nạn xã hội (từ 40 lên 75 triệu), Cơ yếu (từ 50 lên 75 triệu), Quản lý và bảo vệ biên giới quốc gia (từ 50 lên 75 triệu), Giáo dục (từ 50 lên 75 triệu), Điện lực (từ 50 lên 100 triệu), Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (từ 100 lên 200 triệu), Thủy lợi (từ 100 lên 250 triệu), Báo chí (từ 100 lên 250 triệu), Kinh doanh bất động sản (từ 150 lên 500 triệu).***

+ Bổ sung quy định mức phạt tiền tối đa của 08 lĩnh vực: ***Đổi ngoại; cứu nạn, cứu hộ; an ninh mạng; an toàn thông tin mạng; kiểm toán nhà nước; cản trở hoạt động tổ tụng; bảo hiểm thất nghiệp; in.***

Trên cơ sở quy định về mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực quy định tại Điều 24 Luật XLVPHC, Chính phủ đã ban hành các Nghị định xử phạt trong từng lĩnh vực quy định mức phạt tiền tối đa, khung phạt tiền đối với từng hành vi VPHC cụ thể. Việc áp dụng mức phạt đối với từng hành vi vi phạm căn cứ khung phạt tiền và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ quy định tại Điều 9, 10 Luật XLVPHC.

2.3. Về nguyên tắc áp dụng hình thức phạt tiền cụ thể trước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn; đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện VPHC và áp dụng biện pháp khắc phục

hậu quả khi xử phạt VPHC (Điều 9 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP)

- Việc xác định mức phạt tiền đối với một hành vi VPHC cụ thể trong trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ được áp dụng theo nguyên tắc sau đây:

+ Khi xác định mức phạt tiền đối với tổ chức, cá nhân vi phạm **vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ**, thì được giảm trừ tình tiết tăng nặng theo nguyên tắc một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng;

+ Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi VPHC là mức trung bình của khung phạt tiền được quy định đối với hành vi đó. Trong trường hợp có từ **02 tình tiết giảm nhẹ trở lên, thì áp dụng mức tối thiểu** của khung tiền phạt; nếu có từ **02 tình tiết tăng nặng trở lên, thì áp dụng mức tối đa** của khung tiền phạt.

+ Trường hợp chỉ có một tình tiết tăng nặng hoặc 1 tình tiết giảm nhẹ thì Luật XLVPHC không quy định cụ thể. Tuy nhiên, căn cứ các quy định của Luật XLVPHC, Điều 9 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP có thể vận dụng để tính như sau: *Khi phạt tiền, nếu hành vi VPHC mà tổ chức, cá nhân chỉ có một tình tiết tăng nặng hoặc 1 tình tiết giảm nhẹ thì lấy mức trung bình của mức tối thiểu khung tiền phạt với mức trung bình khung tiền phạt (1 tình tiết giảm nhẹ) hoặc mức trung bình của mức trung bình khung tiền phạt với mức tối đa khung tiền phạt (1 tình tiết tăng nặng).*

- **Hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn được áp dụng như sau:**

+ *Cá nhân, tổ chức thực hiện **nhiều hành vi VPHC** mà bị xử phạt trong cùng một lần, trong đó có từ hai hành vi vi phạm trở lên bị áp dụng hình thức xử phạt **tước quyền sử dụng có thời hạn đối với nhiều loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề khác nhau**, thì áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng có thời hạn riêng biệt đối với từng hành vi vi phạm.*

*Trường hợp có từ **hai hành vi vi phạm** trở lên bị áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng có thời hạn đối với **cùng một loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề**, thì áp dụng mức tối đa của khung thời hạn tước quyền sử dụng của hành vi có quy định thời hạn tước dài nhất;*

+ *Trường hợp cá nhân, tổ chức **VPHC nhiều lần** mà bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trong đó có từ hai hành vi vi phạm trở lên bị áp dụng hình thức xử phạt **tước quyền sử dụng có thời hạn cùng một loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề**, thì áp dụng mức tối đa của khung thời hạn tước quyền sử dụng đối với hành vi có thời hạn tước dài nhất;*

+ *Trường hợp thời hạn còn lại của giấy phép, chứng chỉ hành nghề ngắn hơn thời hạn tước quyền sử dụng của giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì áp dụng thời hạn tước là thời hạn còn lại của giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó.*

- Thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề không phụ thuộc vào cơ quan, người đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề mà chỉ thực hiện theo quy định tại Luật XLVPHC.

- Cá nhân, tổ chức vi phạm phải giao nộp giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo yêu cầu thu giữ của người có thẩm quyền xử phạt, trừ trường hợp đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 7 Điều 125 Luật XLVPHC. Việc giao nộp giấy phép, chứng chỉ hành nghề **phải lập thành biên bản và giao 01 bản cho người vi**

phạm, đại diện tổ chức vi phạm, trừ trường hợp đã lập biên bản tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì biên bản tạm giữ tiếp tục có giá trị cho đến hết thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quyết định xử phạt VPHC.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt VPHC có áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải **gửi quyết định xử phạt VPHC cho cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó biết.**

- Hình thức xử phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn được áp dụng như sau:

+ *Trường hợp một cá nhân, tổ chức thực hiện **nhiều hành vi VPHC mà bị xử phạt trong cùng một lần**, trong đó có từ **hai hành vi vi phạm trở lên bị áp dụng hình thức xử phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn**, thì áp dụng mức tối đa của khung thời hạn đình chỉ của hành vi có quy định thời hạn đình chỉ dài nhất;*

+ *Trường hợp cá nhân, tổ chức VPHC nhiều lần mà bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trong đó có từ hai hành vi vi phạm trở lên bị áp dụng hình thức xử phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn, thì áp dụng mức tối đa của khung thời hạn đình chỉ của hành vi có quy định thời hạn đình chỉ dài nhất.*

- Việc xác định thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn, đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với một hành vi VPHC cụ thể **trong trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ** được áp dụng theo nguyên tắc sau đây (*tương tự như nguyên tắc xác định mức phạt tiền cụ thể nêu trên*):

+ *Khi xác định thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn, đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với một hành vi VPHC đối với tổ chức, cá nhân vi phạm vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ, thì được giảm trừ tình tiết tăng nặng theo nguyên tắc một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng;*

+ *Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động cụ thể đối với một hành vi VPHC là mức trung bình của khung thời gian tước, đình chỉ được quy định đối với hành vi đó. Trong trường hợp có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên, thì áp dụng mức tối thiểu của khung thời gian tước, đình chỉ; nếu có từ 02 tình tiết tăng nặng trở lên, thì áp dụng mức tối đa của khung thời gian tước, đình chỉ.*

+ *Trường hợp chỉ có 1 tình tiết tăng nặng hoặc 1 tình tiết giảm nhẹ thì cách áp dụng có thể tương tự như phạt tiền nêu trên.*

- Người có thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện VPHC quy định tại khoản 2 Điều 65 và khoản 4 Điều 126 Luật XLVPHC là người có thẩm quyền xử phạt VPHC đối với vụ việc đó. Đối với trường hợp tang vật, phương tiện VPHC thuộc loại cấm tàng trữ, cấm lưu hành, thì việc xác định người có thẩm quyền tịch thu được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

- Người có thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật XLVPHC là người có thẩm quyền xử phạt VPHC đối với vụ việc đó.

- Người có thẩm quyền tiêu hủy tang vật, phương tiện VPHC là hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm độc hại theo quy định tại khoản 5 Điều 126 Luật XLVPHC là người có thẩm quyền xử phạt VPHC đối với vụ việc đó.

2.4. Trường hợp không ra quyết định xử phạt VPHC (Điều 65 Luật XLVPHC)

- Không ra quyết định xử phạt VPHC trong những trường hợp sau đây:
 - + Trường hợp quy định tại Điều 11 của Luật XLVPHC;
 - + Không xác định được đối tượng VPHC;
 - + Hết thời hiệu xử phạt VPHC quy định tại Điều 6 hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt quy định tại khoản 3 Điều 63 hoặc khoản 1 Điều 66 của Luật XLVPHC;
 - + Cá nhân VPHC chết, mất tích, tổ chức VPHC đã giải thể, phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt;
 - + Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại Điều 62 Luật XLVPHC.

- Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 Luật XLVPHC, người có thẩm quyền không ra quyết định xử phạt VPHC nhưng **vẫn phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện VPHC nếu tang vật, phương tiện VPHC thuộc loại cấm tàng trữ, cấm lưu hành hoặc tang vật, phương tiện mà pháp luật có quy định hình thức xử phạt tịch thu và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với hành vi VPHC đó**. Quyết định phải ghi rõ lý do không ra quyết định xử phạt VPHC; tang vật, phương tiện VPHC bị tịch thu; biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng, trách nhiệm và thời hạn thực hiện. Trường hợp không ra quyết định xử phạt VPHC nhưng vẫn áp dụng tịch thu tang vật, phương tiện VPHC, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định thì **không bị coi là đã bị xử phạt VPHC**.

2.5. Thời hạn ra quyết định xử phạt VPHC

Thời hạn ra quyết định xử phạt VPHC quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật XLVPHC theo hướng cụ thể, chặt chẽ về các trường hợp áp dụng thời hạn xem xét ra quyết định xử phạt (*07 ngày, 10 ngày, 01 tháng, 02 tháng*) để bảo đảm áp dụng thống nhất, đồng thời đề cao trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt trong quá trình xem xét, ra quyết định xử phạt để việc ban hành quyết định xử phạt được nhanh chóng, chính xác. Theo đó:

- Thời hạn chung đối với tất cả các trường hợp ra quyết định xử phạt VPHC là **07 ngày làm việc**, kể từ ngày lập biên bản VPHC;

- Vụ việc thuộc trường hợp phải **chuyển hồ sơ** đến người có thẩm quyền xử phạt thì thời hạn ra quyết định xử phạt là **10 ngày làm việc**, kể từ ngày lập biên bản VPHC, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 63 của Luật XLVPHC (vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt đề xử phạt VPHC);

- Đối với vụ việc mà cá nhân, tổ chức **có yêu cầu giải trình** hoặc **phải xác minh** các tình tiết có liên quan quy định tại Điều 59 của Luật XLVPHC thì thời hạn ra quyết định xử phạt là **01 tháng**, kể từ ngày lập biên bản VPHC;

- Đối với vụ việc mà cá nhân, tổ chức **có yêu cầu giải trình** hoặc **phải xác**

minh các tình tiết có liên quan quy định tại Điều 59 của Luật XLVPHC nếu **đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ** thì thời hạn ra quyết định xử phạt là **02 tháng**, kể từ ngày lập biên bản VPHC.

2.6. Nội dung quyết định xử phạt (Điều 68 Luật XLVPHC)

Nội dung quyết định xử phạt quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật XLVPHC. Thời hạn thi hành quyết định được ghi trong quyết định xử phạt là 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt, hoặc có thể nhiều hơn nhưng phải được ghi rõ trong quyết định xử phạt để thi hành. Quyết định xử phạt có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp trong quyết định quy định ngày có hiệu lực khác. Đồng thời, khoản 3 Điều 68 Luật XLVPHC quy định quyết định xử phạt trong mọi trường hợp phải ghi rõ nội dung hành vi vi phạm, hình thức, mức xử phạt đối với từng vi phạm.

2.7. Ra quyết định xử phạt VPHC trong một số trường hợp cụ thể

Khoản 1 Điều 67 Luật XLVPHC quy định trường hợp một cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi VPHC mà bị xử phạt trong cùng một lần thì chỉ ra 01 quyết định xử phạt, trong đó quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi VPHC.

Khoản 2 Điều 67 Luật XLVPHC quy định trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi VPHC thì có thể ra 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt để quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng cá nhân, tổ chức.

Khoản 3 Điều 67 Luật XLVPHC quy định trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi VPHC khác nhau trong cùng một vụ vi phạm thì có thể ra 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt để quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm của từng cá nhân, tổ chức.

Khoản 2 và khoản 3 Điều 67 Luật XLVPHC quy định người có thẩm quyền xử phạt VPHC có thể ra 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt trong trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi VPHC hoặc trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi VPHC khác nhau trong cùng một vụ vi phạm để quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm của từng cá nhân, tổ chức. Quy định này nhằm **bảo đảm tính linh hoạt trong thực tiễn xử phạt và thi hành quyết định xử phạt**, tạo điều kiện thuận lợi cho người có thẩm quyền xử phạt và cá nhân, tổ chức vi phạm tổ chức thi hành quyết định xử phạt.

3. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính (Điều 63 Luật XLVPHC)

- Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự:

Đối với vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có một trong các **quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án nêu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính** thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm (nếu có) và văn bản đề nghị xử phạt VPHC đến người có thẩm quyền xử phạt VPHC **trong thời hạn 03 ngày làm việc**, kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

- Trách nhiệm của người có thẩm quyền xử phạt:

+ Việc xử phạt VPHC được căn cứ vào hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến. Trường hợp cần thiết phải xác minh thêm tình tiết để có căn cứ ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc VPHC theo quy định tại Điều 59 của Luật XLVPHC (không phải lập BBVPHC).

+ Thời hạn ra quyết định xử phạt VPHC là 30 ngày, kể từ ngày nhận được các quyết định do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến kèm theo hồ sơ vụ vi phạm (*quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án*). Trong trường hợp cần xác minh thêm tình tiết của vụ việc VPHC theo quy định tại Điều 59 của Luật XLVPHC thì thời hạn tối đa không quá 45 ngày.

V. THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VPHC

1. Thi hành quyết định xử phạt không lập biên bản VPHC (Điều 69 Luật XLVPHC, sửa đổi, bổ sung năm 2020)

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản phải được giao cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt 01 bản. Trường hợp người chưa thành niên bị xử phạt cảnh cáo thì quyết định xử phạt còn được gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó.

- Cá nhân, tổ chức vi phạm nộp tiền phạt tại chỗ cho người có thẩm quyền xử phạt. Người thu tiền phạt có trách nhiệm giao chứng từ thu tiền phạt cho cá nhân, tổ chức nộp tiền phạt và phải nộp tiền phạt trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày thu tiền phạt.

Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm không có khả năng nộp tiền phạt tại chỗ thì nộp tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước ghi trong quyết định xử phạt trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 78 của Luật

2. Thi hành quyết định có lập biên bản VPHC

2.1. Gửi quyết định xử phạt (Điều 70 Luật XL VPHC)

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người đã ra quyết định xử phạt phải gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, cơ quan thu tiền phạt, cơ quan liên quan khác (nếu có) để thi hành.

- Việc gửi quyết định xử phạt có thể thực hiện bằng một trong các hình thức sau đây:

- + Giao trực tiếp cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt;
- + Gửi qua dịch vụ bưu chính bằng hình thức bảo đảm;
- + Gửi bằng phương thức điện tử;

+ Trường hợp không thể thực hiện được các hình thức quy định nêu trên, thì niêm yết công khai quyết định xử phạt tại nơi cư trú của cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở của tổ chức bị xử phạt hoặc gửi quyết định xử phạt đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở của tổ chức bị xử phạt để thực hiện niêm yết.

- Điều 17a Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP quy định chi tiết việc gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính để tổ chức thi hành^[32]

- Gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức giao trực tiếp cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt được thực hiện như sau:

+ Người có thẩm quyền giao trực tiếp quyết định xử phạt tại nơi cư trú hoặc nơi làm việc của cá nhân; trụ sở của tổ chức bị xử phạt; cơ quan của người ra quyết định xử phạt hoặc nơi xảy ra hành vi vi phạm hoặc nơi khác phù hợp với điều kiện thực tế;

+ Việc giao trực tiếp quyết định xử phạt phải được người nhận quyết định xử phạt ký xác nhận và ghi rõ thời gian giao nhận;

+ Trường hợp cá nhân, đại diện tổ chức bị xử phạt từ chối nhận, thì người có thẩm quyền lập biên bản về việc không nhận quyết định, có chữ ký xác nhận của đại diện chính quyền cấp xã tại nơi giao hoặc của người chứng kiến xác nhận việc cá nhân, tổ chức không nhận quyết định.

- Gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính qua dịch vụ bưu chính bằng hình thức bảo đảm được thực hiện như sau:

+ Khi gửi quyết định xử phạt qua dịch vụ bưu chính bằng hình thức bảo đảm, người có trách nhiệm gửi có trách nhiệm lưu phiếu gửi và tra cứu thông tin trạng thái phát từ hệ thống của đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính để cập nhật tình trạng giao, nhận;

+ Việc gửi được hoàn tất nếu thuộc một trong các trường hợp được coi là phát bưu gửi hợp lệ theo quy định pháp luật về bưu chính;

+ Trường hợp bưu chính từ chối phát hoặc trả lại vì lý do khách quan, thì người có trách nhiệm gửi chuyển sang hình thức gửi khác theo quy định.

- Việc gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng phương thức điện tử được thực hiện theo quy định tại Chương IIIa Nghị định này.

- Niêm yết công khai quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện như sau: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở của tổ chức bị xử phạt có trách nhiệm phối hợp với cơ quan của người ra quyết định xử phạt hoặc thực hiện niêm yết công khai liên tục trong thời gian 07 ngày làm việc và lập biên bản về việc niêm yết công khai. Biên bản niêm yết công khai phải thể hiện rõ thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của việc niêm yết, có chữ ký của người thực hiện;

2.2. Chuyển quyết định xử phạt để tổ chức thi hành (Điều 71 Luật XLVPHC)

2.2.1. Các trường hợp chuyển quyết định xử phạt để tổ chức thi hành:

Trong trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện VPHC ở địa bàn cấp tỉnh này nhưng cư trú, đóng trụ sở ở địa bàn cấp tỉnh khác và không có điều kiện chấp hành quyết định xử phạt tại nơi bị xử phạt thì quyết định xử phạt được chuyển đến cơ quan cùng cấp nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở để tổ chức thi hành; nếu nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở không có cơ quan cùng cấp thì quyết định xử

phạt được chuyển đến ủy ban nhân dân cấp huyện để tổ chức thi hành.

Trong trường hợp VPHC xảy ra ở địa bàn cấp huyện này nhưng cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở ở địa bàn cấp huyện khác mà việc đi lại gặp khó khăn và cá nhân, tổ chức vi phạm không có điều kiện chấp hành quyết định xử phạt tại nơi bị xử phạt thì quyết định xử phạt được chuyển đến cơ quan cùng cấp nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở để tổ chức thi hành; nếu nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở không có cơ quan cùng cấp thì quyết định xử phạt được chuyển đến ủy ban nhân dân cấp huyện để thi hành.

2.2.2. Thủ tục chuyển quyết định xử phạt để tổ chức thi hành (Điều 71 Luật XLVPHC và Điều 22 Nghị định số 18/202/NĐ-CP):

Theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật XLVPHC, cơ quan của người đã ra quyết định xử phạt VPHC có trách nhiệm chuyển toàn bộ bản gốc hồ sơ, giấy tờ liên quan đến cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành.

Tang vật, phương tiện VPHC bị tạm giữ, tịch thu (nếu có) được chuyển đến cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành, trừ trường hợp tang vật là động vật, thực vật sống, hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng, khó bảo quản theo quy định của pháp luật; tang vật, phương tiện VPHC là bất động sản, tàu bay, tàu biển, phương tiện thủy nội địa, các loại hàng hóa, phương tiện công kênh, khó vận chuyển, chi phí vận chuyển cao, thì cơ quan của người đã ra quyết định xử phạt VPHC giữ lại quyết định xử phạt để tổ chức thi hành.

Cá nhân, tổ chức vi phạm phải trả chi phí chuyển hồ sơ, tang vật, phương tiện VPHC.

Việc chuyển và bàn giao tang vật, phương tiện VPHC đến cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành phải lập thành biên bản.

2.3. Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt đối với cá nhân, tổ chức VPHC (Điều 72 Luật XLVPHC và Điều 18 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP)

2.3.1. Các trường hợp công bố công khai:

Công bố công khai đối với 14 loại VPHC gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội: *An toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; dược; khám bệnh, chữa bệnh; lao động; xây dựng; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo vệ môi trường; thuế; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; đo lường; sản xuất, buôn bán hàng giả.*

Lưu ý: Nếu VPHC không thuộc trường hợp trên thì không công bố công khai. Nếu công bố công khai mà gây thiệt hại thì có thể phải bồi thường.

2.3.2. Cơ quan thực hiện:

Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt VPHC có trách nhiệm công bố công khai việc xử phạt.

2.3.3. Nội dung công khai:

Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân, quốc tịch của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; hành vi VPHC; hình thức xử phạt; biện pháp khắc phục hậu quả và thời gian thực hiện.

2.3.4. Phương tiện thông tin thực hiện công bố công khai:

Trang thông tin điện tử; báo của cơ quan quản lý cấp bộ, cấp sở hoặc của UBND cấp tỉnh nơi xảy ra VPHC.

2.3.5. Thủ tục công bố công khai:

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị của người đã ra quyết định xử phạt gửi văn bản về việc công bố công khai và bản sao quyết định xử phạt VPHC đến trang thông tin điện tử hoặc báo của cơ quan quản lý cấp bộ, cấp sở hoặc của ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xảy ra VPHC trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt. Trường hợp đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành quyết định mới trong xử phạt VPHC, thì cũng phải thực hiện công bố công khai theo quy định tại khoản này.

- Người đứng đầu cơ quan báo hoặc người chịu trách nhiệm quản lý nội dung của trang thông tin điện tử và thời hạn công bố công khai có trách nhiệm:

+ Đăng đầy đủ các nội dung thông tin cần công khai trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản về việc công bố công khai và bản sao quyết định xử phạt VPHC;

+ Đăng công khai thông tin đối với mỗi quyết định xử phạt VPHC ít nhất 01 lần, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày;

+ Đăng tin đính chính trong thời hạn 01 ngày làm việc trên trang thông tin, điện tử hoặc số báo tiếp theo, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.

+ Thủ trưởng cơ quan của người đã ra quyết định xử phạt VPHC có trách nhiệm:

+ Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố công khai;

+ Đính chính thông tin sai lệch trong vòng 01 ngày làm việc, kể từ thời điểm phát hiện hoặc nhận được yêu cầu đính chính.

+ Đính chính thông tin sai lệch;

+ Trong trường hợp trang thông tin điện tử hoặc báo đăng không chính xác các thông tin theo quy định, thì phải đính chính đúng chuyên mục hoặc vị trí đã đăng thông tin sai lệch trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm phát hiện hoặc nhận được yêu cầu đính chính trên trang thông tin điện tử hoặc số báo tiếp theo và phải chịu chi phí cho việc đính chính;

+ Việc đính chính được thực hiện 01 lần đối với mỗi quyết định xử phạt VPHC, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày.

+ Trường hợp việc công bố công khai việc xử phạt không thể thực hiện đúng thời hạn (trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt) vì những lý do bất khả kháng, thì người có trách nhiệm công bố công khai phải báo cáo thủ trưởng cấp trên trực tiếp và thực hiện công bố công khai việc xử phạt ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được khắc phục.

+ Kinh phí thực hiện công bố công khai và đính chính thông tin sai lệch được chi trả bằng nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên từ cơ quan của người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt VPHC.

2.4. Thời hạn, thủ tục thi hành quyết định xử phạt

- *Thời hạn thi hành quyết định xử phạt*: 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định; trường hợp quyết định xử phạt VPHC có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó.

- *Trách nhiệm thi hành quyết định xử phạt*:

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt VPHC: (1) *Phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn quy định*; (2) *Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt VPHC thì vẫn phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời gian khiếu nại, khởi kiện, trừ trường hợp người giải quyết khiếu nại, khởi kiện ra quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định đó nếu xét thấy việc thi hành quyết định xử lý VPHC bị khiếu nại, khởi kiện sẽ gây hậu quả khó khắc phục (Điều 15 Luật XLVPHC).*

- Người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt có trách nhiệm: (1) *Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt người vi phạm*; (2) *thông báo kết quả thi hành xong quyết định cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về XLVPHC của Bộ Tư pháp, cơ quan tư pháp địa phương.*

2.5. Thủ tục thi hành quyết định xử phạt

2.5.1. Thủ tục thi hành quyết định phạt tiền

- ***Trường hợp thông thường***: Thời hạn nộp tiền phạt: Thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt, trừ Trường hợp trong quyết định xử phạt ghi thời hạn khác.

Lưu ý: Về việc thu, nộp tiền phạt vi phạm hành chính, ngày 22/3/2023 Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành **Thông tư số 18/2023/TT-BTC** quy định về thủ tục thu, nộp tiền phạt, bù trừ số tiền nộp phạt chênh lệch, biên lai thu tiền phạt và kinh phí từ ngân sách Nhà nước bảo đảm hoạt động của các lực lượng xử phạt vi phạm hành chính.

- ***Trường hợp chậm nộp tiền phạt***:

Cá nhân, tổ chức vi phạm xác định là chậm nộp tiền phạt nếu quá thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt mà không thi hành. Người vi phạm phải nộp thêm 0,05% trên tổng số tiền phạt chưa nộp cho mỗi ngày chậm nộp và bị cưỡng chế thi hành.

- ***Trường hợp nộp tiền phạt nhiều lần***:

Điều kiện áp dụng: Mức phạt tiền đối với cá nhân từ 15.000.000 đồng trở lên; tổ chức là từ 150.000.000 đồng trở lên và cá nhân, tổ chức đó đang gặp khó khăn đặc biệt về kinh tế và có đơn đề nghị nộp tiền phạt nhiều lần có xác nhận hoàn cảnh khó khăn đặc biệt về kinh tế của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Thời hạn nộp tiền phạt nhiều lần: Không quá 06 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực.

Số lần nộp tiền phạt tối đa không quá 03 lần và mức nộp phạt lần thứ nhất tối thiểu là 40% tổng số tiền phạt.

Người đã ra quyết định phạt tiền xem xét, quyết định việc nộp tiền phạt nhiều lần bằng văn bản. i

Ví dụ: Hành vi vi phạm của ông Nguyễn Văn A bị xử phạt tiền là 50.000.000 đồng ghi trong quyết định xử phạt. Công ty của ông A kinh doanh thua

lỗ và có nguy cơ phá sản, các tài khoản của cá nhân và công ty bị ngân hàng phong tỏa để bảo đảm các nghĩa vụ tài chính. Ông A có đơn đề nghị xin nộp tiền phạt nhiều lần và được người đã ra quyết định xử phạt đồng ý (quyết định bằng văn bản). Như vậy, ông A không phải nộp ngay toàn bộ số tiền phạt mà có thể nộp thành 03 lần trong vòng 06 tháng và mức tiền nộp lần đầu tiên phải từ 20.000.000 đồng trở lên.

2.5.2. Hoãn thi hành quyết định phạt tiền (Điều 76 Luật XLVPHC)

- Điều kiện: Việc hoãn thi hành quyết định phạt tiền được áp dụng khi có đủ các điều kiện sau đây:

+ Cá nhân bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng trở lên, tổ chức bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng trở lên;

+ Cá nhân đang gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn; tổ chức đang gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh.

Trường hợp cá nhân gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn thì phải có xác nhận của ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp cá nhân gặp khó khăn về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn thì phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện trở lên.

Trường hợp tổ chức đang gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh thì phải có xác nhận của ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.

- Thẩm quyền xem xét, quyết định:

+ Người có thẩm quyền xử phạt.

+ Theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, trường hợp chuyên quyết định xử phạt để thi hành, thì người có thẩm quyền tại cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, quyết định việc hoãn thi hành quyết định phạt tiền.

- Thủ tục:

- Trường hợp thông thường:

+ Cá nhân, tổ chức phải có đơn đề nghị hoãn chấp hành quyết định xử phạt VPHC kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền gửi người đã ra quyết định xử phạt trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 68 của Luật XLVPHC (*Thời hạn thi hành quyết định là 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt; trường hợp quyết định xử phạt có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó*). Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, người đã ra quyết định xử phạt xem xét, quyết định hoãn thi hành quyết định xử phạt đó.

+ Thời hạn hoãn thi hành quyết định xử phạt không quá 03 tháng, kể từ ngày có quyết định hoãn.

+ Cá nhân, tổ chức được hoãn chấp hành quyết định xử phạt được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện VPHC đang bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6

Điều 125 của Luật XLVPHC.

- Trường hợp chuyển quyết định xử phạt để thi hành:

+ Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt đề nghị hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo quy định tại các Điều 76 và 77 Luật XLVPHC, thì người có thẩm quyền tại cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, quyết định việc hoãn thi hành quyết định phạt tiền, đồng thời thông báo cho người có đơn đề nghị hoãn thi hành quyết định phạt tiền và người có thẩm quyền đưa ra quyết định xử phạt VPHC đó biết, nếu không đồng ý với việc hoãn thi hành quyết định phạt tiền, thì phải nêu rõ lý do;

+ Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt gửi đơn đề nghị hoãn thi hành quyết định phạt tiền đến người có thẩm quyền đưa ra quyết định xử phạt VPHC, thì người có thẩm quyền đưa ra quyết định xử phạt có trách nhiệm tiếp nhận và chuyển đơn đề nghị đó đến người có thẩm quyền tại cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để xem xét, quyết định việc hoãn thi hành quyết định phạt tiền.

- Giảm, miễn tiền phạt (Điều 77 Luật XLVPHC):

- Mục đích: Tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng vi phạm thi hành quyết định; bảo đảm tính nghiêm minh của xử phạt VPHC, các quyết định xử phạt đều phải được thi hành; giải quyết trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm đã được hoãn thi hành quyết định nhưng hết thời hạn hoãn vẫn không có khả năng thi hành.

- Điều kiện giảm một phần tiền phạt:

+ Cá nhân tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc;

+ Tổ chức tiếp tục gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và có xác nhận của ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.

- Điều kiện miễn phần tiền phạt còn lại đối với cá nhân:

+ Đã được giảm một phần tiền phạt mà tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc;

+ Đã nộp tiền phạt lần thứ nhất hoặc lần thứ hai trong trường hợp được nộp tiền phạt nhiều lần theo quy định tại Điều 79 của Luật XLVPHC nhưng gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của UBND cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp gặp khó khăn đột xuất về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện trở lên.

- Điều kiện miễn phần tiền phạt còn lại đối với tổ chức:

+ Đã được giảm một phần tiền phạt theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc đã nộp tiền phạt lần thứ nhất hoặc lần thứ hai trong trường hợp được nộp tiền phạt nhiều lần theo quy định tại Điều 79 của Luật XLVPHC;

+ Đã thi hành xong hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả

được ghi trong quyết định xử phạt;

+ Tiếp tục gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và có xác nhận của UBND cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.

- Điều kiện miễn toàn bộ tiền phạt đối với cá nhân:

+ Đã được hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 76 Luật XLVPHC mà tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của UBND cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc;

+ Bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng trở lên, đang gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp gặp khó khăn đột xuất về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện trở lên.

- Điều kiện miễn toàn bộ tiền phạt đối với tổ chức:

+ Đã được hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 76 của Luật XLVPHC;

+ Đã thi hành xong hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định xử phạt;

+ Tiếp tục gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và có xác nhận của UBND cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.

- Thẩm quyền xem xét, quyết định:

+ Người có thẩm quyền xử phạt.

+ Theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, trường hợp chuyển quyết định xử phạt để thi hành, thì người có thẩm quyền tại ; cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, quyết định việc giảm, miễn tiền phạt.

- Thủ tục:

*** Trường hợp thông thường:**

+ Cá nhân, tổ chức phải có đơn đề nghị giảm, miễn tiền phạt kèm theo xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền gửi người đã ra quyết định xử phạt. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, người đã ra quyết định xử phạt xem xét, quyết định việc giảm, miễn và thông báo cho người có đơn đề nghị giảm, miễn tiền; nếu không đồng ý với việc giảm, miễn thì phải nêu rõ lý do.

+ Cá nhân, tổ chức được giảm, miễn tiền phạt được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật XLVPHC.

*** Trường hợp chuyển quyết định xử phạt để thi hành:**

+ Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt đề nghị giảm, miễn tiền phạt theo quy định tại các Điều 76 và 77 XLVPHC, thì người có thẩm quyền tại cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt đề thi hành có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, quyết, định việc giảm, miễn, đồng thời thông báo cho người có đơn đề nghị giảm, miễn và người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt VPHC đó biết, nếu không đồng ý với việc giảm, miễn, thì phải nêu rõ lý do;

+ Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt gửi đơn đề nghị giảm, miễn tiền phạt đến người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt VPHC, thì người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt có trách nhiệm tiếp nhận và chuyển đơn đề nghị đó đến người có thẩm quyền tại cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để xem xét, quyết định việc giảm, miễn.

**** Thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn***

- Người có thẩm quyền xử phạt thu giữ, bảo quản giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP cũng quy định: *"Cá nhân, tổ chức vi phạm phải giao nộp giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo yêu cầu thu giữ của người có thẩm quyền xử phạt, trừ trường hợp đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 7 Điều 125 Luật XLVPHC. Việc giao nộp giấy phép, chứng chỉ hành nghề phải lập thành biên bản và giao 01 bản cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm, trừ trường hợp đã lập biên bản tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì biên bản tạm giữ tiếp tục có giá trị cho đến hết thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quyết định xử phạt VPHC"*.

- Thông báo ngay cho cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó biết. Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định cụ thể hơn thời hạn và cách thức thực hiện việc thông báo cho cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề: *"Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính có áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi quyết định xử phạt VPHC cho cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó biết"*.

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không được tiến hành các hoạt động ghi trong quyết định xử phạt trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

- Giao lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho cá nhân, tổ chức đã bị tước khi hết thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề ghi trong quyết định xử phạt.

- Trường hợp phát hiện giấy phép, chứng chỉ hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật thì người có thẩm quyền xử phạt phải tạm giữ và ra quyết định thu hồi ngay theo thẩm quyền; trường hợp không thuộc thẩm quyền thu hồi thì tạm giữ và trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện, phải chuyển giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp để xử lý theo quy định của pháp luật và thông báo cho cá nhân, tổ chức vi phạm biết.

**** Thủ tục tịch thu tang vật, phương tiện VPHC***

- **Bước 1:** Lập biên bản về tình trạng tang vật, phương tiện vi phạm:

+ Nội dung biên bản: Tên, số lượng, chủng loại, số đúng ký (*nếu có*), tình trạng, chất lượng của vật, tiền, hàng hoá, phương tiện VPHC bị tịch thu và phải có chữ ký của người tiến hành tịch thu, người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt và người chứng kiến;

+ Đối với tang vật, phương tiện VPHC cần được niêm phong thì phải niêm phong ngay trước mặt người bị xử phạt, đại diện tổ chức bị xử phạt hoặc người chứng kiến.

+ Tang vật, phương tiện VPHC đang bị tạm giữ, nếu nhận thấy có tình trạng tang vật, phương tiện có thay đổi so với thời điểm ra quyết định tạm giữ thì phải lập biên bản có chữ ký của người lập biên bản, người có trách nhiệm tạm giữ và người chứng kiến.

- **Bước 2:** Quản lý và bảo quản tang vật, phương tiện VPHC bị tịch thu để tránh các Trường hợp làm mất, hư hỏng, đánh tráo tài sản và các hành vi trục lợi khác. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật XLVPHC thì *"tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu phải được quản lý và bảo quản theo quy định của Chính phủ"*. Hiện nay, vấn đề này được Chính phủ quy định cụ thể tại Nghị định số 138/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện VPHC bị tạm giữ, tịch thu và giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính.

- **Bước 3:** Xử lý tang vật, phương tiện VPHC bị tịch thu:

Luật XLVPHC không quy định về nội này mà viện dẫn xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công: *"Tang vật, phương tiện VPHC đã có quyết định tịch thu được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công"* (Khoản 3 Điều 81 Luật XLVPHC).

*** Xử lý tang vật, phương tiện bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để VPHC thuộc trường hợp bị tịch thu (Điều 126 Luật XLVPHC và Điều 23 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP)**

- Đối với tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để VPHC thuộc trường hợp bị tịch thu thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp; cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện VPHC vào ngân sách nhà nước. Trường hợp chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp có lỗi cố ý trong việc để người vi phạm sử dụng tang vật, phương tiện VPHC thì tang vật, phương tiện đó bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Trường hợp phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm trong vụ việc có nhiều cá nhân, tổ chức vi phạm, thì các cá nhân, tổ chức vi phạm đều có trách nhiệm trong việc nộp khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện VPHC vào ngân sách nhà nước theo tỷ lệ do người có thẩm quyền xử phạt quyết định, trừ trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm có sự thông nhất, thỏa thuận bằng văn bản gửi đến người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn ra quyết định xử phạt VPHC quy định tại Điều 66 Luật XLVPHC.

- Đối với tang vật, phương tiện VPHC thuộc trường hợp bị tịch thu nhưng đã đăng ký biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật dân sự, thì xử lý như sau:

+ Bên nhận thế chấp được nhận lại tang vật, phương tiện hoặc trị giá tương ứng với nghĩa vụ được bảo đảm; cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện VPHC vào ngân sách nhà nước;

+ Bên nhận thế chấp có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản kết quả xử lý tài sản bảo đảm cho người có thẩm quyền xử phạt VPHC trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả xử lý tài sản bảo đảm là tang vật, phương tiện VPHC thuộc trường hợp tịch thu. Trường hợp tài sản bảo đảm sau khi được xử lý có giá trị lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm, mà cá nhân, tổ chức VPHC chưa nộp đủ khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện VPHC vào ngân sách nhà nước, thì bên nhận thế chấp có nghĩa vụ chuyển phần giá trị chênh lệch của tài sản bảo đảm vào ngân sách nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có thông báo bằng văn bản kết quả xử lý tài sản bảo đảm;

+ Bên nhận thế chấp không thực hiện nghĩa vụ chuyển phần giá trị chênh lệch của tài sản bảo đảm là tang vật, phương tiện VPHC thuộc trường hợp tịch thu trong thời hạn quy định, thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt VPHC trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng hoặc lĩnh vực khác có liên quan.

- Tùy theo loại tang vật, phương tiện cụ thể, việc xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm để xác định khoản tiền tương đương mà cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp vào ngân sách nhà nước dựa trên một trong các căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật XLVPHC. Người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc có trách nhiệm xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm.

- Trường hợp không thể áp dụng được căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật XLVPHC, thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải thành lập Hội đồng định giá. Việc thành lập Hội đồng định giá được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 60 Luật XLVPHC.

- Hình thức, thủ tục thu, nộp khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm vào ngân sách nhà nước được thực hiện tương tự như quy định về việc thu, nộp tiền phạt và tiền chậm nộp phạt VPHC (*tại Điều 21 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP*).

**** Thủ tục thi hành biện pháp khắc phục hậu quả (Điều 85 Luật XLVPHC)***

- Thời hạn thi hành: Thực hiện theo quyết định xử phạt VPHC hoặc trong quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 của Luật XLVPHC.

- Trách nhiệm thực hiện:

+ Cá nhân, tổ chức vi phạm có trách nhiệm thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định theo quy định của pháp luật.

+ Người có thẩm quyền ra quyết định có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân, tổ chức thực hiện.

+ Chi phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân, tổ chức vi phạm chi trả.

- **Lưu ý:** Các trường hợp cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt đang thụ lý hồ sơ vụ VPHC phải tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả và chi trả chi phí thực hiện:

+ *Cá nhân chết, mất tích hoặc tổ chức bị giải thể, phá sản không có tổ chức*

nào tiếp nhận chuyên giao quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 75 của Luật XLVPHC;

+ Không xác định được đối tượng VPHC theo quy định tại khoản 2 Điều 65 của Luật XLVPHC.

+ Trong trường hợp khẩn cấp, cần khắc phục ngay hậu quả để kịp thời bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông (trường hợp này cá nhân, tổ chức VPHC phải hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện).

**** Thi hành quyết định xử phạt trong trường hợp người bị xử phạt chết, mất tích, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản (Điều 75 Luật XLVPHC và Điều 19 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP):***

- Trường hợp người bị xử phạt chết, mất tích, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản thì không thi hành quyết định phạt tiền nhưng vẫn thi hành hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện VPHC và biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định.

- Nếu quyết định xử phạt vẫn còn thời hiệu thi hành, thì người đã ra quyết định xử phạt phải ra quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt VPHC trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày người bị xử phạt chết được ghi trong giấy chứng tử; người bị mất tích được ghi trong quyết định tuyên bố mất tích; kể từ thời điểm cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo về việc doanh nghiệp giải thể; thời điểm quyết định tuyên bố phá sản có hiệu lực. Quyết định thi hành gồm các nội dung sau đây:

+ Đình chỉ thi hành các hình thức xử phạt, lý do đình chỉ; trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (*quyết định xử phạt có hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện VPHC và biện pháp khắc phục hậu quả tiếp tục thi hành*);

+ Hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện VPHC và biện pháp khắc phục hậu quả tiếp tục thi hành.

+ Trách nhiệm thi hành hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện VPHC và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp người bị xử phạt chết, mất tích, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản:

+ Cá nhân, tổ chức đang quản lý tang vật, phương tiện VPHC có trách nhiệm thi hành hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện VPHC;

+ Cá nhân là người được hưởng di sản thừa kế được xác định theo quy định của pháp luật dân sự về thừa kế có trách nhiệm tiếp tục thi hành biện pháp khắc phục hậu quả trong phạm vi di sản thừa kế.

+ Gửi quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt VPHC:

+ Quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt VPHC trong trường hợp tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản phải được gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết việc giải thể, phá sản; người đại diện theo pháp luật của tổ chức bị giải thể, phá sản đề thi hành;

+ Quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt VPHC phải được gửi cho cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP và điểm a khoản 3 Điều 19 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

- Thủ tục thi hành một phần quyết định xử phạt VPHC:

+ Thủ tục thi hành một phần quyết định xử phạt VPHC thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương III Phần thứ hai Luật XLVPHC;

+ Trường hợp quá thời hạn thi hành quyết định mà cá nhân, tổ chức cá nhân, tổ chức đang quản lý tang vật, phương tiện VPHC hoặc cá nhân là người được hưởng di sản thừa kế được xác định theo quy định của pháp luật dân sự về thừa kế không thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả, thì cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt đang thụ lý hồ sơ vụ việc VPHC phải tổ chức thực hiện.

+ Chi phí thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả được khấu trừ từ di sản thừa kế mà người bị xử phạt để lại hoặc tài sản còn lại của tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản và được coi là một trong những khoản chi phí ưu tiên thanh toán *(nếu có)*.

- Trường hợp người bị xử phạt chết không để lại di sản thừa kế, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản không còn tài sản, thì việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Luật XLVPHC *(cơ quan nơi người có thẩm quyền xử phạt đang thụ lý hồ sơ vụ VPHC phải tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả)*.

- Người thừa kế của người bị xử phạt chết, mất tích, người đại diện theo pháp luật của tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản có quyền giám sát, khiếu nại khởi kiện đối với các chi phí tổ chức thực hiện và việc thanh toán chi phí thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả.

3. Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt VPHC

3.1. Các biện pháp cưỡng chế bao gồm

- *Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm;*

- *Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá;*

- *Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt VPHC do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản.*

- *Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật XLVPHC.*

4.3.2. Thẩm quyền quyết định cưỡng chế

- Nguyên tắc giao thẩm quyền quyết định cưỡng chế và tổ chức việc cưỡng chế:

+ Giao thẩm quyền quyết định cưỡng chế trên cơ sở bảo đảm điều kiện về lực lượng, phương tiện để tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế. Do đó, để bảo đảm phù hợp với thực tiễn và hệ thống tổ chức cơ quan chức năng có thẩm quyền xử phạt hiện nay, Luật XLVPHC chỉ quy định một số chức danh cụ thể mà không phải là tất cả người có thẩm quyền xử phạt.

- Những người quy định tại Điều 87 Luật XLVPHC có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế và tổ chức việc cưỡng chế thi hành đối với quyết định xử phạt của cấp dưới trong các trường hợp:

+ Cấp dưới không có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế;

+ Cấp dưới có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế nhưng không đủ điều

kiện về lực lượng, phương tiện để tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế và có văn bản đề nghị cấp trên ra quyết định cưỡng chế.

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, trường hợp chuyển quyết định xử phạt để thi hành, nếu cá nhân, tổ chức bị xử phạt không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt, **thì thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế** thi hành quyết định xử phạt không thuộc về người đã ban hành quyết định xử phạt, mà thay vào đó, **người có thẩm quyền tại cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành** có trách nhiệm ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt VPHC theo quy định của pháp luật.

3.3. Gửi quyết định cưỡng chế để thực hiện

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt VPHC, người ra quyết định phải gửi quyết định cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, cơ quan, tổ chức thực hiện việc cưỡng chế và cá nhân, tổ chức có liên quan.

Việc gửi quyết định cưỡng chế cho các cá nhân, tổ chức liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều 70 của Luật XLVPHC. Theo đó, quyết định cưỡng chế được giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm và thông báo cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế biết.

Đối với trường hợp quyết định được giao trực tiếp mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế cố tình không nhận thì người có thẩm quyền lập biên bản về việc không nhận quyết định có xác nhận của chính quyền địa phương và được coi là quyết định đã được giao.

Đối với trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định cưỡng chế đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế cố tình không nhận; quyết định cưỡng chế đã được niêm yết tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức bị cưỡng chế hoặc có căn cứ cho rằng người bị cưỡng chế trốn tránh không nhận quyết định cưỡng chế thì được coi là quyết định đã được giao.

3.4. Thời hạn, thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế

Thời hạn thi hành quyết định cưỡng chế

Quyết định cưỡng chế phải được thi hành ngay khi cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế nhận được quyết định cưỡng chế.

Thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế

Thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế được tính kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế cho đến thời điểm chấm dứt hiệu lực thi hành của quyết định xử phạt VPHC quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật XLVPHC; **quá thời hạn này thì không thi hành quyết định cưỡng chế đó, trừ trường hợp quyết định xử phạt có áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện VPHC, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì vẫn phải cưỡng chế tịch thu tang vật, phương tiện, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đó.**

3.5. Trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong việc thi hành quyết định cưỡng chế

- **Người ra quyết định cưỡng chế tổ chức thực hiện** việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt của mình và của cấp dưới.

- Cá nhân, tổ chức nhận được quyết định cưỡng chế phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định cưỡng chế và phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

- Cá nhân, tổ chức liên quan có nghĩa vụ phối hợp với người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các quyết định cưỡng chế.

- Lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch UBND cùng cấp hoặc quyết định cưỡng chế của các cơ quan nhà nước khác khi được yêu cầu.

- Tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế thi hành mở tài khoản có trách nhiệm cung cấp thông tin về điều kiện thi hành quyết định xử phạt VPHC của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của người có thẩm quyền cưỡng chế; tiến hành phong tỏa số tiền trong tài khoản tương đương với số tiền mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải nộp hoặc phong tỏa toàn bộ số tiền trong tài khoản trong trường hợp số dư trong tài khoản tiền gửi ít hơn số tiền mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải nộp; thực hiện việc trích chuyển số tiền phải nộp theo yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế. Trong thời hạn 05 ngày làm việc trước khi trích chuyển, tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm thông báo cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế biết việc trích chuyển; việc trích chuyển không cần sự đồng ý của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.

3.6. Trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế

Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế như sau:

**** Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập***

Đối tượng bị áp dụng khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập bao gồm:

- Cá nhân bị cưỡng chế là cán bộ, công chức hoặc cá nhân đang làm việc được hưởng tiền lương hoặc thu nhập tại một cơ quan, đơn vị, tổ chức.

- Cá nhân bị cưỡng chế đang được hưởng bảo hiểm xã hội.

Xác minh thông tin về tiền lương và thu nhập

- Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm tổ chức xác minh thông tin về tiền lương, thu nhập, mức bảo hiểm xã hội được hưởng của cá nhân bị cưỡng chế để làm căn cứ ra quyết định cưỡng chế.

- Cá nhân bị cưỡng chế; tổ chức, cá nhân đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập và các tổ chức, cá nhân liên quan phải cung cấp thông tin về tiền lương, thu nhập, mức bảo hiểm xã hội của cá nhân bị cưỡng chế trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã cung cấp.

Nội dung quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân

Quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân bao gồm những nội dung sau: *Số quyết định; ngày, tháng, năm ra*

quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị công tác của người ra quyết định; họ tên, địa chỉ của cá nhân bị cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập; tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế; số tiền bị khấu trừ; lý do khấu trừ; tên, địa chỉ của Kho bạc Nhà nước nhận tiền; phương thức chuyển số tiền bị khấu trừ đến Kho bạc; thời gian thi hành; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu của cơ quan ra quyết định.

Tỷ lệ khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân

Việc khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập có thể tiến hành nhiều lần, tỷ lệ như sau:

- Đối với tiền lương, bảo hiểm xã hội tỷ lệ khấu trừ mỗi lần không quá 30% tổng số tiền lương, bảo hiểm xã hội được hưởng.

- Đối với những khoản thu nhập khác, tỷ lệ khấu trừ mỗi lần không quá 50% tổng thu nhập.

Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị khấu trừ

- Cơ quan, đơn vị, tổ chức người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị áp dụng biện pháp khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền.

- Đến kỳ lĩnh lương hoặc thu nhập gần nhất, cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế có trách nhiệm khấu trừ một phần lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế và chuyển số tiền đã khấu trừ đến tài khoản Kho bạc Nhà nước theo nội dung ghi trong quyết định cưỡng chế, đồng thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế biết.

- Trường hợp chưa khấu trừ đủ số tiền theo quyết định cưỡng chế mà cá nhân bị cưỡng chế đã chấm dứt hợp đồng có hưởng lương hoặc thu nhập thì cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế biết.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị áp dụng biện pháp khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập cố tình không thực hiện quyết định cưỡng chế khấu trừ của cơ quan có thẩm quyền thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

**** Khấu trừ tiền từ tài khoản***

Đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản

Đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản là tổ chức, cá nhân không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt, quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, không thanh toán hoặc thanh toán chưa đủ chi phí cưỡng chế mà có tiền gửi tại tổ chức tín dụng ở Việt Nam.

Xác minh thông tin về tài khoản của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế

- Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản có quyền yêu cầu tổ chức tín dụng cung cấp thông tin về tài khoản của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế theo quy định của pháp luật; trường hợp người có thẩm

quyền ra quyết định cưỡng chế không có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin về tài khoản thì đề nghị người có thẩm quyền yêu cầu tổ chức tín dụng cung cấp thông tin. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật những thông tin được cung cấp.

- Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế có trách nhiệm thông báo cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản về tên tổ chức tín dụng, nơi mở tài khoản của mình tại tổ chức tín dụng khi có yêu cầu.

Tổ chức tín dụng nơi cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế mở tài khoản có trách nhiệm

- Cung cấp thông tin bằng văn bản về tài khoản của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế hiện đang mở tài khoản tại tổ chức tín dụng của mình khi có yêu cầu của người cơ thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế.

- Giữ lại trong tài khoản của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế số tiền tương đương với số tiền mà cá nhân, tổ chức đó phải nộp theo yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế.

- Trích chuyển từ tài khoản tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế vào ngân sách nhà nước qua tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước số tiền mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải nộp.

- Trường hợp trong tài khoản không còn số dư hoặc còn nhưng không đủ để khấu trừ thì tổ chức tín dụng sau khi khấu trừ số tiền hiện có phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã ra quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản tại tổ chức tín dụng biết để áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản theo quy định.

- Nếu trong tài khoản của cá nhân, tổ chức còn số dư mà tổ chức tín dụng không thực hiện việc trích chuyển tiền của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế theo quyết định cưỡng chế khấu trừ của người có thẩm quyền thì tổ chức tín dụng bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Thủ tục thu tiền khấu trừ

- Việc khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản tại tổ chức tín dụng của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế được thực hiện trên cơ sở các chứng từ thu theo quy định hiện hành. Chứng từ thu sử dụng để khấu trừ tiền lương hoặc thu nhập được gửi cho các bên có liên quan.

- Sau khi thu tiền, Kho bạc Nhà nước nơi nhận tiền khấu trừ có trách nhiệm thông báo cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế biết.

**** Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá***

Đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá

- Cá nhân không được hưởng tiền lương, thu nhập hoặc bảo hiểm xã hội tại một cơ quan, đơn vị, tổ chức và không có tài khoản hoặc số tiền gửi từ tài khoản tại tổ chức tín dụng không đủ để áp dụng biện pháp khấu trừ tiền từ tài khoản.

- Tổ chức không có tài khoản hoặc số tiền gửi từ tài khoản tại tổ chức tín dụng không đủ để áp dụng biện pháp khấu trừ tiền từ tài khoản.

Chỉ được kê biên tài sản của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế tương ứng với số tiền đã ghi trong quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu

quả và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế.

Những tài sản không được kê biên

- Nhà ở duy nhất của cá nhân và gia đình người bị cưỡng chế có diện tích tối thiểu theo quy định của pháp luật về cư trú.

- Thuốc chữa bệnh, lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu thiết yếu cho cá nhân bị cưỡng chế và gia đình họ sử dụng.

- Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế có quyền đề nghị kê biên tài sản nào trước, người được giao chủ trì kê biên phải chấp nhận nếu xét thấy đề nghị đó không ảnh hưởng đến việc cưỡng chế.

Nếu cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế không đề nghị cụ thể việc kê biên tài sản nào trước thì tài sản thuộc sở hữu riêng được kê biên trước.

Chỉ kê biên những tài sản thuộc sở hữu chung của cá nhân bị cưỡng chế với người khác nếu cá nhân bị cưỡng chế không có tài sản riêng hoặc tài sản riêng không đủ để thi hành quyết định cưỡng chế. Trường hợp tài sản có tranh chấp thì vẫn tiến hành kê biên và giải thích cho những người cùng sở hữu tài sản kê biên về quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

Cơ quan tiến hành kê biên có trách nhiệm thông báo công khai thời gian, địa điểm tiến hành kê biên để các đồng sở hữu biết. Hết thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kê biên mà không có người khởi kiện thì tài sản kê biên được đem bán đấu giá theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Việc kê biên tài sản phải được lập biên bản. Trong biên bản ghi rõ: Thời gian, địa điểm tiến hành kê biên tài sản; họ tên, chức vụ người chủ trì thực hiện việc kê biên; người đại diện cho tổ chức bị kê biên tài sản, cá nhân có tài sản bị kê biên hoặc người đại diện hợp pháp cho họ; người chứng kiến; đại diện chính quyền địa phương (hoặc cơ quan của cá nhân bị cưỡng chế); mô tả tên gọi, tình trạng, đặc điểm từng tài sản bị kê biên.

Người chủ trì thực hiện việc kê biên, người đại diện cho tổ chức bị kê biên tài sản, cá nhân có tài sản bị kê biên hoặc người đại diện hợp pháp cho họ, người chứng kiến, đại diện chính quyền địa phương (hoặc cơ quan của cá nhân bị cưỡng chế) ký tên vào biên bản. Biên bản kê biên tài sản có nhiều tờ thì phải ký vào từng tờ biên bản. Trong trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

Biên bản kê biên được lập thành 02 bản, cơ quan ra quyết định cưỡng chế giữ 01 bản, 01 bản giao cho cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị kê biên ngay sau khi hoàn thành việc lập biên bản.

Giao bảo quản tài sản kê biên

Người chủ trì thực hiện việc kê biên lựa chọn một trong các hình thức sau đây để bảo quản tài sản kê biên:

- Giao cho người bị cưỡng chế, thân nhân của người bị cưỡng chế hoặc người đang quản lý, sử dụng tài sản đó bảo quản;

- Giao cho một trong những đồng sở hữu chung bảo quản nếu tài sản đó thuộc sở hữu chung;

- Giao cho tổ chức, cá nhân có điều kiện bảo quản.

- Đối với tài sản là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, ngoại tệ thì tạm giao cho Kho bạc Nhà nước quản lý; đối với các tài sản như vật liệu nổ công nghiệp, công cụ hỗ trợ, vật có giá trị lịch sử, văn hóa, bảo vật quốc gia, cô vật, hàng lâm sản quý hiếm thì tạm giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để quản lý.

Khi giao bảo quản tài sản kê biên, người chủ trì thực hiện kê biên phải lập biên bản. Trong biên bản ghi rõ: Thời gian bàn giao bảo quản; họ và tên người chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế, cá nhân, đại diện tổ chức bị cưỡng chế, người được giao bảo quản tài sản, người chứng kiến việc bàn giao; số lượng, tình trạng (*chất lượng*) tài sản; quyền và nghĩa vụ của người được giao bảo quản tài sản.

Người chủ trì thực hiện kê biên, người được giao bảo quản tài sản, cá nhân, đại diện tổ chức bị cưỡng chế, người chứng kiến ký tên vào biên bản. Biên bản có nhiều tờ thì phải ký vào từng tờ biên bản. Trong trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

Biên bản được giao cho người được giao bảo quản tài sản, cá nhân, đại diện tổ chức bị cưỡng chế, người chứng kiến và người chủ trì thực hiện việc kê biên mỗi người giữ 01 bản.

Người được giao bảo quản tài sản được thanh toán chi phí thực tế, hợp lý để bảo quản tài sản, trừ những người quy định tại điểm a Mục này.

Người được giao bảo quản tài sản gây hư hỏng, đánh tráo, làm mất hoặc hủy hoại tài sản thì phải chịu trách nhiệm bồi thường và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Định giá tài sản kê biên

Việc định giá tài sản kê biên được tiến hành tại nhà của cá nhân hoặc trụ sở của tổ chức bị kê biên hoặc nơi lưu giữ tài sản bị kê biên, trừ Trường hợp phải thành lập Hội đồng định giá tài sản.

Tài sản đã kê biên được định giá theo sự thỏa thuận giữa người chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế với đại diện tổ chức hoặc cá nhân bị cưỡng chế và chủ sở hữu chung trong trường hợp kê biên tài sản chung. Thời hạn để các bên thỏa thuận về giá không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên.

Trường hợp các bên không thỏa thuận được về giá trị thì trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên, người đã ra quyết định cưỡng chế thành lập Hội đồng định giá tài sản. Hội đồng định giá tài sản gồm có người đã ra quyết định cưỡng chế là Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được thành lập, Hội đồng định giá tài sản phải tiến hành việc định giá. Việc định giá tài sản dựa trên giá thị trường tại thời điểm định giá. Đối với tài sản mà Nhà nước thống nhất quản lý giá thì việc định giá dựa trên cơ sở giá tài sản do Nhà nước quy định.

Hội đồng định giá tài sản làm việc theo nguyên tắc tập thể. Cuộc họp định giá tài sản của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng triệu tập và phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng tham dự. Trong cuộc họp định giá, mỗi thành viên của Hội đồng định giá tài sản phát biểu ý kiến của mình về giá trị của tài sản. Các quyết định về giá tài sản phải được quá nửa số thành viên Hội đồng tán thành. Trường hợp biểu quyết ngang nhau thì quyết định theo bên có biểu quyết của Chủ

tịch Hội đồng hoặc người được ủy quyền điều hành cuộc họp định giá tài sản. Cá nhân bị kê biên hoặc đại diện tổ chức có tài sản bị kê biên được tham gia ý kiến vào việc định giá, nhưng quyền quyết định giá thuộc Hội đồng định giá tài sản.

Việc định giá tài sản phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ thời gian, địa điểm tiến hành định giá, thành phần những người tham gia định giá, tên và trị giá tài sản đã được định giá, chữ ký của các thành viên tham gia định giá và của chủ tài sản.

Chuyển giao tài sản đã kê biên để bán đấu giá

Đối với tài sản bị kê biên để bán đấu giá, giá khởi điểm được xác định theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên, người đã ra quyết định cưỡng chế ký hợp đồng bán đấu giá với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có tài sản bị kê biên để bán đấu giá; Trường hợp không ký được hợp đồng bán đấu giá với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp thì thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản.

Việc bán đấu giá tài sản bị kê biên được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Sau khi đã ký hợp đồng bán đấu giá tài sản, người chủ trì thực hiện kê biên tiến hành chuyển giao tài sản đã kê biên để bán đấu giá. Việc chuyển giao phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ: *Thời gian bàn giao, người bàn giao, người nhận; chữ ký của người giao, người nhận; số lượng, tình trạng tài sản*. Hồ sơ bàn giao tài sản kê biên cho cơ quan có trách nhiệm bán đấu giá bao gồm: *Quyết định cưỡng chế kê biên; các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp (nếu có); văn bản định giá tài sản và biên bản bàn giao tài sản đó*.

Trong Trường hợp tài sản kê biên là hàng hóa công kênh hoặc có số lượng lớn mà cơ quan có trách nhiệm bán đấu giá không có nơi cất giữ tài sản thì sau khi thực hiện xong thủ tục chuyển giao có thể ký hợp đồng bảo quản tài sản với nơi đang giữ tài sản đó. Chi phí cho việc thực hiện hợp đồng bảo quản được thanh toán từ số tiền bán đấu giá tài sản thu được sau khi bán đấu giá.

Đối với tài sản thuộc sở hữu chung, khi bán đấu giá thì ưu tiên bán cho người đồng sở hữu trước.

Trường hợp số tiền bán đấu giá tài sản nhiều hơn số tiền ghi trong quyết định xử phạt và chi phí cho việc cưỡng chế thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày bán đấu giá, cơ quan thi hành biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản bán đấu giá làm thủ tục trả lại phần chênh lệch cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.

Chuyển giao quyền sở hữu tài sản:

Người mua tài sản kê biên được pháp luật công nhận và bảo vệ quyền sở hữu đối với tài sản đó.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cho người mua theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ chuyển quyền sở hữu gồm có:

- Bản sao quyết định cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản để bán đấu giá;

- Biên bản bán đấu giá tài sản;
- Các giấy tờ khác liên quan đến tài sản (nếu có).

**** Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt VPHC do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản***

Bên thứ ba đang giữ tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế có trách nhiệm:

Cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thông tin về số tiền, tài sản đang giữ của đối tượng cưỡng chế khi có yêu cầu.

Khi nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế, không được chuyển trả tiền, tài sản cho đối tượng bị cưỡng chế cho đến khi thực hiện nộp tiền vào ngân sách nhà nước hoặc chuyển giao tài sản cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế để làm thủ tục bán đấu giá.

Trường hợp bên thứ ba không thực hiện được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế hoặc tẩu tán tiền, tài sản đang giữ của đối tượng bị cưỡng chế thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tổ chức thi hành cưỡng chế thu tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế cho bên thứ ba đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản

Trước khi tiến hành cưỡng chế, nếu bên thứ ba đang giữ tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế tự nguyện thi hành quyết định cưỡng chế thì cơ quan chủ trì cưỡng chế lập biên bản công nhận sự tự nguyện thi hành.

Khi cưỡng chế để thu tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế do bên thứ ba đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản phải có đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến.

Việc cưỡng chế phải được lập thành biên bản. Trong biên bản ghi rõ: *Thời gian, địa điểm tổ chức cưỡng chế; cơ quan chủ trì tiến hành cưỡng chế; họ tên, địa chỉ của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế; họ tên, địa chỉ của cá nhân, tổ chức đang giữ tiền, tài sản; đại diện chính quyền địa phương nơi tiến hành cưỡng chế, người chứng kiến; số tiền, tài sản và tình trạng tài sản bị thu.*

Cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị cưỡng chế; cá nhân, đại diện tổ chức đang giữ tiền, tài sản; đại diện cơ quan ra quyết định cưỡng chế, đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến ký vào biên bản. Biên bản có nhiều tờ thì phải ký vào từng tờ biên bản. Trong trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, cá nhân, đại diện tổ chức đang giữ tiền, tài sản cố tình vắng mặt thì vẫn tiến hành cưỡng chế nhưng phải có đại diện của chính quyền địa phương và người chứng kiến.

**** Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả***

Khi nhận được quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, cá nhân, tổ chức được giao nhiệm vụ tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế phải phối hợp với các cơ quan có liên quan huy động lực lượng, phương tiện để thực hiện biện pháp cưỡng chế đã ghi trong quyết định.

Trước khi tiến hành cưỡng chế, nếu cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế tự nguyện thi hành thì cơ quan chủ trì cưỡng chế lập biên bản công nhận sự tự nguyện thi hành.

Khi thực hiện cưỡng chế để thi hành biện pháp khắc phục hậu quả phải có đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến.

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế cố tình vắng mặt thì vẫn tiến hành cưỡng chế nhưng phải có đại diện của chính quyền địa phương và người chứng kiến.

Trường hợp cá nhân, tổ chức phải thi hành quyết định cưỡng chế về việc tháo dỡ, di chuyển công trình xây dựng trái phép hoặc bàn giao đất mà trong công trình và trên đất đó có tài sản không thuộc diện phải cưỡng chế thì người tổ chức cưỡng chế có quyền buộc cá nhân, tổ chức phải thi hành quyết định cưỡng chế và những người khác có mặt trong công trình ra khỏi công trình hoặc khu vực đất, đồng thời yêu cầu họ tự chuyển tài sản ra theo. Nếu họ không tự nguyện thực hiện thì người tổ chức cưỡng chế yêu cầu lực lượng cưỡng chế đưa họ cùng tài sản ra khỏi công trình hoặc khu vực đất đó.

Nếu họ từ chối nhận tài sản, người tổ chức cưỡng chế phải lập biên bản ghi rõ số lượng, chủng loại, tình trạng từng loại tài sản và thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện để trông giữ, bảo quản hoặc bảo quản tại kho của cơ quan ra quyết định cưỡng chế và thông báo địa điểm, thời gian để cá nhân, tổ chức có tài sản nhận lại tài sản. Cá nhân, tổ chức có tài sản phải chịu các chi phí vận chuyển, trông giữ, bảo quản tài sản.

Quá thời hạn 06 tháng, kể từ ngày nhận được thông báo đến nhận tài sản mà cá nhân, tổ chức có tài sản không đến nhận thì tài sản đó được bán đấu giá theo quy định của pháp luật, số tiền thu được, sau khi trừ các chi phí cho việc vận chuyển, trông giữ, bảo quản, xử lý tài sản sẽ được gửi tiết kiệm loại không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng và thông báo cho cá nhân, tổ chức có tài sản biết để nhận khoản tiền đó. Đối với tài sản hư hỏng và không còn giá trị, người tổ chức cưỡng chế tổ chức tiêu hủy theo quy định của pháp luật. Người tổ chức cưỡng chế phải lập biên bản ghi rõ hiện trạng của tài sản trước khi tiêu hủy.

Trường hợp cá nhân, tổ chức phải thi hành quyết định cưỡng chế buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện VPHC hoặc buộc nộp lại số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện VPHC đã bị tiêu thụ, tiêu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật mà người bị cưỡng chế chưa thực hiện được ngay thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế áp dụng một trong các biện pháp cưỡng chế quy định tại các điểm a, b và c Khoản 2 Điều 86 Luật XLVPHC.

Việc thi hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả gây ra phải được lập biên bản và giao cho người bị cưỡng chế một bản. Trong biên bản ghi rõ: *Thời gian, địa điểm, cơ quan chủ trì tiến hành cưỡng chế; cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế; đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến; kết quả thực hiện.*

Cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị cưỡng chế, đại diện cơ quan ra quyết định cưỡng chế, đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến ký vào biên bản. Trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

*** *Bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế***

Các biện pháp bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế

Khi có quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế, nếu có dấu hiệu cho thấy cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có hành vi tẩu tán hoặc làm hư hoại tiền bạc, tài sản thì người đã ra quyết định cưỡng chế có quyền yêu cầu các cơ quan tổ chức có liên quan, chính quyền địa phương nơi cá nhân bị cưỡng chế cư trú hoặc công tác, tổ chức bị cưỡng chế đóng trụ sở thực hiện biện pháp phong tỏa nhằm ngăn chặn việc tẩu tán tiền bạc, tài sản.

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế có hành vi chống đối không thực hiện quyết định cưỡng chế sau khi đã vận động, giải thích, thuyết phục nhưng không có hiệu quả thì người đã ra quyết định cưỡng chế có quyền huy động lực lượng, phương tiện để bảo đảm thi hành cưỡng chế.

Cá nhân bị cưỡng chế mà chưa thực hiện hoặc trốn tránh thực hiện thì bị đưa vào diện chưa được xuất cảnh.

Chi phí cưỡng chế

Chi phí cưỡng chế được xác định trên cơ sở chi phí thực tế đã phát sinh trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế phù hợp với giá cả ở từng địa phương.

Chi phí cưỡng chế bao gồm:

- Chi phí huy động người thực hiện quyết định cưỡng chế;
- Chi phí thù lao cho các chuyên gia định giá để tổ chức đấu giá, chi phí tổ chức bán đấu giá tài sản;
- Chi phí thuê phương tiện tháo dỡ, chuyên chở đồ vật, tài sản;
- Chi phí thuê giữ hoặc bảo quản tài sản đã kê biên;
- Chi phí thực tế khác (*nếu có*).

Chi phí cưỡng chế được tạm ứng từ ngân sách nhà nước và được hoàn trả ngay sau khi thu được tiền từ cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.

Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí cho các hoạt động cưỡng chế. Nếu cá nhân, tổ chức không tự nguyện hoàn trả hoặc hoàn trả chưa đủ chi phí cưỡng chế thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có thể ra quyết định cưỡng chế bằng các biện pháp quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 86 Luật XLVPHC.